IV. — HOÀNG-THÀNH

Hoàng-thành ở vào khoảng giữa phía nam trong Kinh-thành khởi xây ngày mồng 1 tháng 4 năm Giáp-tý, niên hiệu Gia-Long thứ 3 (9-5-1804), công việc giao cho Nguyễn-văn-Trương và Lê-Chất quản đốc. Miếu điện đều ở trong vòng thành nầy, chu-vi đo được, 614 trượng (2.456m.) ; nam, bắc mỗi chiều dài 151 trượng 5 thước (606m.), đông tây mỗi chiều dài 155 trượng 5 thước (622m.).

Khoảng giữa 3 mặt đông, tây và bắc mỗi nơi có 1 *khuyết đài* 闕臺 dài 15 trượng 5 thước (62m), rộng 5 trượng 5 thước, (22m), cao 1 trượng (4m.). Trên mỗi đài làm 1 cái nhà vuông mỗi bề 2 trượng 5 thước 5 tấc (10m20), lợp ngói thường. Các nhà ấy đều đã triệt giải từ lâu, duy ở bắc khuyết.đài có làm lại 1 cái lầu 2 tầng gọi là « *Tứ-Phương Vô-Sự* » 四方無事 vào năm Khải-Định thứ 8 (1923).

Mỗi mặt thành có 1 cửa: trước là *Ngọ-môn* 午門, tả là cửa *Hiền-Nhân* 顯仁門, hữu là cửa *Chương-Đức* 彰德門 ; sau là cửa *Hòa-Bình* 和平門.

Chung quanh Hoàng-thành, phía ngoài có đào hồ gọi là *hồ Kim-Thủy* 金水池, hồ nầy dưới triều Gia-Long chỉ mới đào ở 3 mặt đông, tây và bắc, đến năm Minh-Mạng thứ 14 (1833) mới đào thêm ở mặt nam. Riêng ở mặt bắc hồ Kim-Thủy lan rộng vào cả trong Hoàng thành nữa.

Ngoài mỗi cửa thành có 1 cái cầu đá bắc qua hồ Kim-Thủy ; riêng ở trước cửa Ngọ-môn thời có 3 cầu giữa lót đá thanh, 2 cầu tả hữu lót gạch. Trên hồ Kim-Thủy, trong Hoàng-

thành cũng có 1 cầu đi từ cửa Hòa-Bình đến cửa Tường-Loan (cửa của Tử-cấm thành). Tất cả các cầu ấy đều gọi chung một tên là *cầu Kim-Thủy* 金水橋.

CỬA NGỌ MÔN 午門

Ngọ là lúc mặt trời lên đúng thiên đỉnh, tức là lúc lên cao nhất. Vua là bậc chí tôn nên mới ví với mặt trời lúc đúng ngọ, và cửa của vua mới gọi là Ngọ-môn. Ngày xưa, chỉ khi nào có vua ngự mới mở cửa nầy.

Đầu triệu Gia-Long, tại chỗ Ngọ-môn chỉ đắp một cái đài gọi là *Nam-Khuyết-Đài* 南闕臺. Năm Gia-Long thứ 5 (1806) dựng *điện Càn-Nguyên* 乾元殿 ở đấy, Đài có 2 cửa vào, bên tả là *cửa Tả-Đoan* 左端門, bên hữu là *cửa Hữu-Đoan* 右端門. Năm Minh-Mạng thứ 14 (1833) vua cho triệt hạ điện Càn-Nguyên, và làm Ngọ-môn thay vào chỗ cũ.

Cửa nầy xây bằng gạch và đá Thanh, đá Non-Nước (Quảng-nam), dưới mỗi cửa cuốn làm xà bằng đồng, vôi nhào rất kỹ, nhà vua thân xem các công việc.

Ngọ-môn có 5 cửa, cửa giữa mới thật là Ngọ-môn, cao 1 trượng 3 thước 3 tấc (5m32) rộng 8 thước 2 tấc (3m28), tả hữu có 2 giáp-môn đều cao 1 trượng 2 thước 4 tấc 5 phân (4m98) rộng 6 thước 3 tấc (2m50) và 2 dịch-môn đều cao 1 trượng (4m) rộng 8 thước 1 tấc (3m24). Năm cửa ấy lại còn có tên riêng sau này : cửa đầu ở phía tây là Cao-môn (cửa tréo trông cao) ; cửa thứ hai là trĩ-môn (cửa chim trĩ) ; cửa thứ ba là khố-môn (cửa kho) cũng gọi là trung môn ; cửa thứ tư là ứng-môn (cửa tréo trông ứng) ; cửa thứ năm là lô-môn (cửa tréo trông lớn).

Phía trên cửa giữa có 2 chữ Ngọ-môn, mỗi chữ cao 0m365, rộng 0m38, dầy 0m008, nguyên có bọc vàng thật, những vàng ấy đã bị quân gian lột trộm ngày 10-12-1943.

Trên Ngọ-môn có *lầu Ngũ-Phụng* 五鳳樓, theo tích vua Thái-Tổ nhà Lương bên Tàu sắp đóng đô tại *Lạc-Dương* 洛陽 truyền *La-*

Thiệu-Uy 羅 紹 威 lấy gỗ tốt đất Ngụy làm lầu Ngũ-Phụng. Chim phụng có 5 giống : sắc đỏ là *Phụng* 鳳, sắc vàng là *uyên-sồ* 鵷 鶵, sắc trắng là *hộc* 鵠, sắc xanh là *loan* 鸞 sắc tía là *nhạc thốc* 鸑 鷟, nên gọi là ngũ phụng. Từ mặt đất lên đến nền cửa lầu là 1 trượng 4 thước 9 tấc (5m96).

Lầu chính 3 gian 2 chái, sơn son thếp vàng ; 2 bên có 2 dực-lâu. Giữa lầu thiết ngự tọa, bên tả thiết chuông, bên hữu thiết trống. Trên lầu có tầng gác, 2 bên gác là chỗ ngày xưa dành cho Hoàng Thái-Hậu cùng Chánh-cung ngồi duyệt lãm trong các dịp khánh tiết, ngoài có bỏ sáo che kín, trong nhìn ra được nhưng ngoài trông vào không thấy, có thang lầu để lên xuống. Về sau nầy nghi lễ bớt phần nghiêm nhặt, từ lễ tứ-tuần vua Khải-Định, mỗi khi Hoàng Thái-Hậu hoặc Chánh-cung có ra Ngọ-môn cũng ngự ở tầng thứ nhì, nghĩa là tầng vua thường ngự.

Lầu Ngọ-môn, giữa lợp ngói hoàng lưu ly. Nên để ý rằng từ cửa Ngọ-môn vào, những cung điện nằm ngay một hàng giữa đều lợp ngói hoàng lưu ly, còn hai bên thì lợp ngói thanh lưu ly.

Trước cửa, chính giữa có đường Dũng-đạo lát đá, 2 bên lát gạch.

Lúc trước các lễ truyền-lô, ban-sóc đều cử hành trước Ngọ-môn. Truyền-lô là xướng danh thí sinh trúng tuyển các kỳ thi Hội và thi Đình ; ban sóc là lễ ban lịch năm sắp đến cho thần dân, lễ nầy hàng năm cử hành vào ngày mồng 1 tháng chạp âm-lịch.

Ngày trước, vua ngự ra lầu Ngọ-môn trong những dịp khánh tiết để cho thần dân chiêm bái cùng khánh hạ.

Trước Ngọ-môn, gần đường cái, hai bên có hai cái bia khắc 4 chữ «*Khuynh cái hạ mã*» 傾 蓋 下 馬, ai đi ngang qua phải nghiêng nón và xuống ngựa.

Bia nầy ở Huế có đặt tại nhiều nơi như : Phu-văn-Lâu, Quốc-Sử-Quán, Văn-Miếu, Khải-Thánh-Từ.

Sắc tháng 9 năm Khải-Định 8 (1923) đã bãi bỏ lệnh xuống

ngựa, xuống xe, vì xét ra có nhiều sự bất tiện, nhất là cho người đi xe hơi.

Ở các tỉnh cũng có những bia ấy như ở trước Hành-Cung, Văn-Miếu. Ngày 23 tháng 1 năm Bảo-Đại thứ 18 (27-2-1943) bộ Lễ-Nghi tâu xin bãi bỏ lệ ấy, nhưng cứ giữ lại những bia để làm kỷ niệm.

CỬA HIỂN-NHÂN 顯仁門.

Cửa nầy là cửa thường dùng để ra vào Hoàng-thành. Cửa có 3 gian, 3 cửa, tràng lương, trên có lầu lợp ngói hoàng lưu ly. Cửa giữa cao 9 thước 1 tấc (3m64) rộng 5 thước 5 tấc (2m20) ; tả hữu giáp môn cao 8 thước 5 tấc (3m40), rộng 5 thước (2m). Khi nào vua băng lễ ninh-lăng cũng dùng cửa nầy. Làm năm Gia-Loug thứ 10 (1811), làm lại dưới triều Khải-Định.

CỬA CHƯƠNG-ĐỨC 彰德門

Làm năm Gia-Long thứ 10 (1811) cũng giống như cửa Hiển-Nhân, làm lại dưới triều Khải-Định ; thường dùng cho những người hầu hạ Hoàng Thái-Hậu ra vào. Lễ ninh-lăng của Hoàng Thái-Hậu cũng dùng cửa nầy.

Nên để ý, bên đàn ông đều dùng chữ « nhân » (Thế-Nhân, Hiển-Nhân), bên đàn bà đều dùng chữ « đức » (Quảng-Đức, Chương, Đức.)

CỬA HÒA-BÌNH 和平門

Làm năm Gia-Long thứ 10 (1811) gọi là *cửa Củng-Thần* 拱辰門 ; năm Minh-Mạng thứ 2 (1821) đổi tên là *cửa Địa-Bình* 地平門. Đến năm Minh-Mạng thứ 14 (1833) đổi lại là cửa Hòa-Bình.

Cửa nầy nguyên trước có lầu, đến năm Minh-Mạng thứ 20 (1839) làm lại, bỏ bớt tầng trên. Ngày xưa cửa thường đóng, chỉ mở lúc nào vua ngự ra Tĩnh-Tâm hay trường đua ngựa.

MIẾU, ĐIỆN TRONG HOÀNG-THÀNH

I. — ĐIỆN THÁI-HÒA 太和殿

Vào khỏi cửa Ngọ-môn có một cái hồ sen là *hồ Thái-Dịch* 太液池, bệ xây đá, trên hồ bắc 1 cái cầu đá dài có bao lơn, gọi là *Cầu Trung-Đạo* 中道橋, mỗi đầu cầu dùng phượng-môn, trụ bằng đồng chạm mây nổi quấn quanh, trên ngách trang sức bằng pháp lam ngũ sắc. Nam phượng-môn, mặt ngoài đề 4 chữ «*Chính trực đãng bình*» 正直蕩平; mặt trong đề «*Cư nhân do nghĩa*» 居仁由義; bắc phượng-môn, mặt ngoài đề «*Cao minh du cửu*» 高明悠久; mặt trong đề «*Trung hòa vị dục*» 中和位育.

Qua khỏi bắc phượng-môn đến một cái sân rồng, tức là nơi thiết đại triều nghi. Sân nầy chia làm 2 bậc, lát đá Thanh, bậc trên dành cho các văn võ ấn quan (tự tam phẩm trở lên), bậc dưới đề cho các thuộc quan (từ tứ phẩm xuống đến cửu phẩm) ; 2 bên sân cắm phẩm-sơn (trụ đá đề rõ phẩm trật để sắp hàng cho thứ tự).

Dưới cùng gần cầu Trung-Đạo còn một bậc nữa dành cho các kỳ cựu hương lão, thích-lý, đến chầu trong những dịp khánh tiết.

Giữa sân, từ Ngọ-môn đi vào, có chừa 1 con đường gọi là Dũng-đạo. Hai góc sân có 2 con kỳ-lân bằng đồng thếp vàng, để trong lồng gương bằng gỗ sơn vàng.

Tiếp với sân là điện Thái-Hòa, nền cao 5 thước 8 tấc (2m32) chính-tịch 5 gian 2 chái, tiền-tịch 7 gian 2 chái, cột sơn son

vẽ rồng vàng, nền lát đá hoa. Chính giữa và ở trên có treo tấm biển sơn son thếp vàng đề 3 chữ «*Thái Hòa điện*» 太和殿; phía trong là ngự tọa, ngai để trên 3 tầng bệ, trên trần có bửu tán, đều thếp vàng. Sau ngự tọa có treo bức trướng lớn bằng *bát* tô vàng, thêu hình viên long. Trên trần mỗi long can có treo lồng đèn gương lục giác, bát giác, mặt gương vẽ ngũ sắc

Mái điện làm kiểu trùng thiềm trùng lương có trang sức bằng *pháp lam*, lợp ngói hoàng lưu ly. Trong điện trang hoàng rất nhiều ché và đồ xưa. Trước sân sắp một hàng chậu sành lớn để trên đôn bằng đá chạm.

Điện Thái-Hoà làm năm Gia-Long thứ 4 (21-2-1805) và xong trong năm ấy. Ngày Ất-vị tháng 5 năm Bính-dần (28-6-1806) vua lên ngôi Hoàng-Đế tại điện này, vì tuy từ năm Nhâm-tuất (1802) đã đặt niên hiệu Gia-Long, nhưng đến năm Giáp-tý (1804) vua nhà Thanh mới cho sứ là *Tề-Bố-Sâm* 齊布森 sang phong.

Lúc đầu điện Thái-Hoà không phải làm ở chỗ bây giờ mà là chỗ *Đại-Cung môn* 大宮門, chính giữa mặt nam *Tử-cấm-thành* 紫禁城. Năm 1833, vua Minh-Mạng cho đem xích về phía nam, nhưng cứ giữ kích thước cũ. Năm Thành-Thái thứ 3 (1891) trùng tu; năm thứ 11 (1899) truyền lót đá hoa nơi nền điện. Năm 1923 vua Khải-Định truyền làm thêm cửa ở 2 mặt trước và sau vì nguyên khi xưa chỉ để trống và treo sáo che.

Điện Thái-Hoà là nơi thiết đại-triều, còn thường-triều thì thiết ở *điện Cần-Chánh* 勤政殿. Khi hành lễ, vua ngự ra các quan sắp hàng ở sân (quan văn bên tả, quan võ bên hữu) phải lạy 5 lạy, nhưng từ khi vua Bảo-Đại về nước năm 1932, lệ nầy đã bỏ, chỉ phải xá 3 xá mà thôi.

2.— THÁI-MIẾU 太廟

Miếu nầy ở phía tả điện Thái-Hòa, xây về hướng nam. Làm năm Gia-Long thứ 3 (1804), dưới triều Thành-Thái đã trùng tu

lại một lần, đến năm Khải-Định thứ 8 (1923) lại trùng tu một lần nữa. Miếu làm chính-doanh 13 gian, tiền-doanh 15 gian, 2 bên có 2 chái trùng lương trùng thiềm, lợp ngói hoàng lưu ly. Trong thiết 9 án thờ (1 án chính trung, và tả hữu mỗi bên 4 án) :

— Án chính-trung thờ *Thái-Tổ Gia-Dụ Hoàng-Đế* 太祖嘉裕皇帝 và Hoàng-Hậu ;

— Án tả nhất thờ *Hiếu-Văn Hoàng-Đế* 孝文皇帝 và Hoàng-Hậu ;

Án hữu nhất thờ *Hiếu-Chiêu Hoàng-Đế* 孝昭皇帝 và Hoàng-Hậu ;

— Án tả nhị thờ *Hiếu-Triết Hoàng-Đế* 孝哲皇帝 và Hoàng-Hậu ;

— Án hữu nhị thờ *Hiếu-Nghĩa Hoàng-Đế* 孝義皇帝 và Hoàng-Hậu ;

— Án tả tam thờ *Hiếu-Minh Hoàng-Đế* 孝明皇帝 và Hoàng-Hậu ;

— Án hữu tam thờ *Hiếu-Ninh Hoàng-Đế* 孝寧皇帝 và Hoàng-Hậu ;

— Án tả tứ thờ *Hiếu-Vũ Hoàng-Đế* 孝武皇帝 và Hoàng-Hậu ;

— Án hữu tứ thờ *Hiếu-Định Hoàng-Đế* 孝定皇帝.

Mỗi năm cứ ngày sóc 4 tháng mạnh (mồng 1 bốn tháng đầu mùa) và ngày 22 tháng chạp, năm lần hưởng.

Bên tả miếu có *điện Long-Đức* 隆德殿 (mỗi năm gặp ngày kỵ ở án chính trung thời trần thiết hành lễ tại đây). Trước sân miếu, bên tả có *điện Chiêu-Kính* 昭敬殿 (nơi trần thiết lễ vật mỗi khi gặp ngày kỵ ở 4 án tả), bên hữu có *điện Mục-Tư* 穆思殿 (nơi trần thiết lễ vật mỗi khi gặp ngày kỵ ở 4 án hữu).

Phía bắc điện Mục-Tư có *phương đường* 方堂 (là nơi thờ *Thổ-công* 土公).

Chung quanh miếu có tường bao bọc ; mặt tả có *cửa Hiển-Thừa* 顯承門 , mặt hữu *cửa Túc-Tướng* 肅相門, mặt sau bên tả có *cửa Nguyên-Chỉ* 元祉門 , bên hữu có *cửa Trường-Hựu* 長祐門.

Trước sân miếu xây tường chắn ngang, khoảng giữa dựng *gác Tuy-Thành* 綏成閣 3 tầng, 3 gian 2 chái, lợp ngói hoàng lưu ly, trên nóc có bầu rượu bằng pháp lam, bên tả gác có *cửa Diên-Hy* 延禧門 , trên làm gác để chuông, bên hữu có *cửa Quang-Hy* 光禧門 , trên làm gác để trống.

Ra ngoài gác Tuy-Thành, bên tả có nhà tả-vu, bên hữu có nhà hữu-vu, đều là nơi tùng tự, kể từ năm Gia-Long thứ 3 (1805) các bậc thân-huân công-thần hồi quốc sơ.

Nhà tả-vu dành riêng cho 4 vị công-thần trong hoàng tộc : *Tôn-Thất Khê* 尊室溪, *Tôn-Thất-Hiệp* 尊室協, *Tôn-Thất Hạo* 尊室暭, *Tôn-Thất-Đồng* 尊室晍.

Nhà hữu vu thờ các ông : *Nguyễn-Ư-Kỷ* 阮於己, *Đào-Duy-Từ* 陶維慈, *Nguyễn-Hữu Tiến* 阮有進, *Nguyễn-Hữu-Dật* 阮有鎰, *Nguyễn-Hữu-Kính* 阮有鏡, *Nguyễn-Cửu-Dật* 阮久逸, *Nguyễn-Cư-Trinh* 阮居貞.

Ra ngoài cung có cửa chính của Thái-miếu, trước cửa hai bên thiết hai con sư tử đá.

Thái-miếu bị đốt cháy vào đầu tháng 2 năm 1947.

3.— TRIỆU-MIẾU 肇廟.

Miếu nầy ở phía bắc Thái-miếu, xây về hướng nam, làm năm Gia-Long thứ 3 (1804), chính doanh 3 gian, tiền doanh 5 gian, đông tây hai chái, trùng lương trùng thiềm, lợp ngói hoàng lưu ly, trên nóc có bầu rượu bằng pháp lam. Giữa thờ thần khám *Triệu-Tổ Tịnh Hoàng-Đế* 肇祖靖皇帝, (húy *Nguyễn-Kim* 阮淦, sinh

năm 1468, mất ngày 23-5-1545) và Hoàng-Hậu, mỗi năm 5 lần hưởng như ở Thái-miếu.

Trong miếu phía đông có *Thần-Khố* 神庫, phía tây có *Thần-Trù* 神廚 đều 3 gian 2 chái. Chung quanh miếu có tường bao bọc. Mặt tường phía bắc trổ 2 cửa, tả là *cửa Tập-Khánh* 集慶門, hữu là *cửa Diễn-Khánh* 衍慶門; còn mặt tường phía nam thời đồng với mặt tường phía bắc của Thái-miếu.

4.— THẾ-MIẾU 世廟.

Miếu nầy ở phía hữu điện Thái-Hòa, xây về hướng nam, làm năm Minh-Mạng thứ 2 (1821), chính doanh 9 gian, tiền doanh 11 gian, đông tây có 2 chái. Miếu làm theo kiểu trùng lương trùng thiềm, lợp ngói hoàng lưu ly, trên nóc thiết bầu rượu bằng pháp lam. Trong miếu thiết 7 án thờ (1 án chính trung và tả hữu mỗi bên 3 án).

— Án chính trung thờ *Thế-Tổ Cao Hoàng-Đế* 世祖高皇帝 và *Thừa-Thiên* 承天, *Thuận-Thiên* 順天 hai Hoàng-Hậu (Thần-vị Thuận-Thiên Hoàng-Hậu xây về hướng tây);

— Án tả nhất thờ *Thánh-Tổ Nhơn Hoàng-Đế* 聖祖仁皇帝 và Hoàng-Hậu;

— Án hữu nhất thờ *Hiến-Tổ Chương Hoàng-Đế* 憲祖章皇帝 và Hoàng-Hậu;

— Án tả nhị thờ *Dực-Tông Anh Hoàng-Đế* 翼宗英皇帝 và Hoàng-Hậu;

— Án hữu nhị thờ *Giản-Tông Nghị Hoàng-Đế* 簡宗毅皇帝 (Kiến-Phúc);

— Án tả tam thờ *Cảnh-Tông Thuần Hoàng-Đế* 景宗純皇帝 và Hoàng-Hậu;

— Ẩn hữu tam thờ *Hoằng-Tông Tuyên Hoàng-Đế* 弘宗宣皇帝; mỗi năm 5 lần hưởng như ở Thái-miếu.

Phía đông miếu có *điện Canh-Y* 更衣殿. Phía tây có nhà thờ *Thổ-Công* 土公.

Chung quanh miếu có tường bao bọc; mặt tả có *cửa Khải-Địch* 啟迪門, mặt hữu có *cửa Sùng-Thành* 崇成門, mặt sau bên tả có *cửa Hiền-Hựu* 顯祐門, bên hữu có *cửa Đốc-Hựu* 篤祐門.

Trước sân miếu có tường chặn ngang, khoảng giữa tường dựng *gác Hiển-Lâm* 顯臨閣, 3 tầng, 3 gian 2 chái; lợp ngói hoàng lưu ly, trên nóc thiết bầu rượu bằng pháp lam. Bên tả gác có *cửa Tuấn-Liệt* 峻烈門, trên làm gác để chuông, bên hữu có *cửa Sùng-Công* 崇功門 (xưa là cửa Phong-Công, Thiệu-Trị nguyên niên cải), trên làm gác để trống.

Ra ngoài gác Hiển-Lâm, bên tả có nhà tả-vu, bên hữu có nhà hữu-vu, đều là nơi tùng tự, kể từ năm Minh-Mạng thứ 5 (1824) các bậc thân-huân công-thần hồi trung hưng.

Nhà tả-vu dành riêng cho 4 công-thần trong hoàng-tộc là: *Tôn-Thất-Mân* 尊室旻, *Tôn Thất-Điển* 尊室典, *Tôn-Thất-Huy* 尊室暉, *Tôn-Thất-Hội* 尊室會.

Nhà hữu-vu thờ các vị công-thần bách tính là: *Võ-tôn-Tính* 武尊性, *Ngô-tùng-Châu* 吳從周, *Chu-văn-Tiếp* 朱文接, *Võ-di-Nguy* 武彝巍, *Nguyễn-văn-Trương* 阮文張, *Phạm-văn-Nhơn* 范文仁, *Nguyễn-Hoàng-Đức* 阮黃德, *Tống-Phúc-Đàm* 宋福譚, *Nguyễn-văn-Mẫn* 阮文敏, *Đỗ-văn-Hựu* 杜文祐, *Nguyên-văn-Nhơn* 阮文仁, *Mai-đức-Nghị* 枚德議. Năm 1827 thêm *Nguyễn-đức-Xuyên* 阮德川. Năm 1875 thêm *Trương-đăng-Quế* 張登桂.

Ra ngoài cũng có cửa chính của Thế-miếu, trước mỗi bên thiết một con kỳ lân đá.

Nhưng cái công trình đáng để ý nhất ở Thế-miếu là 9 cái đỉnh đồng, đúc từ năm Minh-Mạng thứ 16 (1835), chung quanh có

chạm hình mặt trời, mặt trăng, núi sông, hoa cỏ, các giống động vật, thực vật và đồ binh khí, xe thuyền của nước ta ; lấy chữ trong miếu hiệu của các nhà vua từ Thế-Tổ Cao Hoàng-Đế trở xuống mà đặt tên : *Cao* 高, *Nhân* 仁, *Chương* 章, *Anh* 英, *Nghị* 毅, *Thuần* 純, *Tuyên* 宣, *Dũ* 裕, *Huyền* 玄.

Các đỉnh nầy bày tại trước sân Thế-miếu, theo thứ tự các án thờ.

Vua Minh-Mạng bắt chước vua Hạ-Vũ xưa đúc cửu đỉnh trưng trưng chín châu bên Tầu. Đỉnh còn tượng trưng sự chính-thống với ủy nhiệm của Thượng-Đế; hình dáng và trọng lượng của đỉnh biểu-hiệu sự lâu dài bền vững của một triều đại.

Đúc mỗi cái đỉnh phải dùng 60 cái lò nấu đồng góp lại; một lò chỉ nấu chảy được 3, 4 chục kí-lô. Khuôn để lật ngược, đồng đổ vào một chân đỉnh; các hình nổi, sau mới chạm thêm vào những miếng đồng đúc gắn vào đỉnh. Nơi đúc là nơi Sở Canh-Nông cũ (gần cầu Khánh-Ninh).

Theo sách *Khâm-Định Đại-Nam hội điển sự-lệ* 欽定大南會典事例, thời trọng lượng và kích thước của 9 cái đỉnh ở Thế-miếu như sau:

— Cao đỉnh nặng	4.307	cân ta,	cao 5 thước 5 phân, miệng rộng 3 thước 3 tấc 5 phân.
— Nhơn đỉnh nặng	4.160	— ,	cao 4 thước 7 tấc 5 phân, miệng rộng 3 thước 3 tấc 3 phân.
— Chương đỉnh nặng	3.472	— ,	Cao và rộng như Nhơn đỉnh.
— Anh đỉnh nặng	4.261	— ,	
— Nghị đỉnh nặng	4.206	— ,	
— Thuần đỉnh nặng	3.229	— ,	
— Tuyên đỉnh nặng	3.421	— ,	
— Dũ đỉnh nặng	3.341	— ,	
— Huyền đỉnh nặng	3.201	— ,	

Một cân ta bằng chừng 0kg600, 1 thước ta bằng 0m40.

5. HƯNG MIẾU 興廟

Miếu này ở phía bắc Thế-miếu, xây về hướng nam, làm năm Minh-Mạng thứ 2 (1821), chính doanh 3 gian, tiền doanh 5 gian đông tây 2 chái, trùng lương trùng thiềm, lợp ngói hoàng lưu ly trên nóc có bầu rượu bằng pháp lam.

Giữa miếu thờ thần khám *Hưng-Tổ Hiếu-Khương Hoàng-Đế* 興祖孝康皇帝 (thân sanh vua Gia-Long, húy *Nguyễn-Phúc-Luân* 阮福晪, sanh ngày 11-6-1733, mất ngày 24-10-1765) và Hoàng-Hậu mỗi năm 5 lần hưởng như ở Thái-miếu.

Trước miếu phía đông có *Thần-Khố* 神庫, phía tây có *Thần-Trù* 神廚, đều 3 gian 2 chái.

Chung quanh Hưng-miếu có tường bao bọc, mặt tả có *cửa Chương-Khánh* 章慶門, mặt hữu có *cửa Dục-Khánh* 毓慶門. Mặt tường phía bắc, bên tả có *cửa Trí-Tường* 致祥門, bên hữu có *cửa Ứng-Tường* 應祥門.

Còn mặt tường phía nam thời đồng với mặt tường phía bắc của Thế-miếu.

Hưng-miếu bị đốt cháy vào đầu tháng 2 năm 1947, và đến năm 1951, Đoan-Huy Hoàng-Thái-Hậu làm lại miếu khác.

6.— ĐIỆN PHỤNG-TIÊN 奉先殿

Điện này ở trong cửa Chương-Đức, phía bắc Hưng-miếu, xây về hướng nam, chính doanh 9 gian 2 chái, tiền doanh 11 gian, trùng lương trùng thiềm, lợp ngói hoàng lưu ly, trên nóc có bầu rượu bằng pháp lam.

Trong điện thiết 7 án thờ các Đế, Hậu từ đời Gia-Long đến đời Khải-Định, cách sắp đặt cũng như ở Thế-miếu. Hằng

năm, đến ngày sóc-vọng, khánh tiết cùng đản, kỵ, đều có cúng tế.

Trước sân, 2 bên tả hữu *Phối-điện* 配殿, đều 5 gian xây về hướng đông và tây. Sau chính-điện có *Tả Tùng-viện* 左從院 và *Hữu Tùng-viện* 右從院.

Chung quanh điện có tường bao bọc, mặt trước trổ cửa tam quan, 3 mặt kia mỗi mặt trổ 1 cửa.

Nguyên trước vua Gia-Long lập *điện Hoàng-Nhơn* 皇仁殿 tại gần cửa Hiền-Nhơn. Khi vua băng hà, tử cung của vua tạm để ở đây.

Năm Minh-Mạng thứ 10 (1829) vua cải tên là điện Phụng-Tiên và đến năm thứ 18 (1837) mới cho dời làm lại vào chỗ hiện thời.

Điện Phụng-Tiên cũng thờ như ở Thế-Miếu, nhưng có tính cách gia-đình, các bà nội-cung có thể vào cúng lạy, còn ở Thế-miếu thì phụ-nữ không được vào.

Ngày trước tại điện này có thờ một thoi vàng 20 lượng chặt làm đôi. Nguyên năm 1783, trước khi vua Gia-Long chạy sang Xiêm và Hoàng tử Cảnh sang Âu-Châu, vua bèn giao cho Thừa-Thiên Cao Hoàng-Hậu phò Hưng-Tổ Hiếu-Khương Hoàng-Hậu sang lánh ở đảo Phú-Quốc ; trước khi chia tay, vua lấy thoi vàng nầy chặt làm đôi, tự giữ một nửa, giao cho Thừa-Thiên Cao Hoàng-Hậu giữ một nửa để làm tin.

Đến năm 1820, vua Minh-Mạng cho khắc vào thoi vàng những chữ sau này : « Thế-Tổ Đế, Hậu, Quí mão bả thiên thời tin vật. »

7.— CUNG DIÊN THỌ 延壽宮

Cung nầy ở phía bắc điện Phụng-Tiên, làm năm Gia-Long thứ 2 (1803) và tên là *cung Trường-Thọ* 長壽宮 ; năm

Minh-Mạng thứ 1 (1820) đổi là *cung Từ-Thọ* 慈 壽 宮 ; đến đầu triều Tự-Đức đổi là *cung Gia-Thọ* 嘉 壽 宮 ; năm Thành-Thái thứ 13 (1901) đổi là *cung Ninh-Thọ* 寧 壽 宮 ; đến năm Khải-Định thứ nhất (1916) mới đổi là cung Diên-Thọ.

Chung quanh cung có tường gạch bao bọc, mặt nam có cửa tam quan gọi là *cửa Thọ-Chỉ* 壽 祉 門, nền lát đá Thanh, trên có lầu, tức là cửa chính của cung ; mặt đông có *cửa Thiện-Khánh* 善 慶 門, mặt tây có *cửa Địch-Tường* 迪 祥 門 mặt bắc có *cửa Diễn-Dịch* 衍 譯 門 , trên có lầu.

Vào trong cửa chính, đến một cái sân lát gạch, phía đông có *Tả Túc đường* 左 肅 堂 , tây có *Hữu Túc đường* 右 肅 堂. Cuối sân xây tường thấp chắn ngang, khoảng giữa xây bình-phong, tả có *cửa Thụy-Quang* 瑞 光 門 , hữu có *cửa Trinh-Ứng* 禎 應 門.

Sau tường, chính giữa có tiền-điện, hình vuông, bên tả có 2 trường-lang, 1 trà-gia ; bên hữu có 1 trường-lang, 1 trà-gia.

Sau tiền-điện đến chính-điện, chính-tịch 3 gian, đông tây 2 hiên, tiền-tịch 5 gian, đều trùng thiềm, trên nóc đặt bầu rượu, lợp ngói âm dương ; tả hữu mỗi bên có 1 hồi-lang.

Trước đông hiên, phía bắc có hồ vuông, trong hồ dựng *Tạ Trường-Du* 長 榆 榭 lợp ngói thanh lưu ly, phía đông tạ có một hồi-lang.

Trước tây hiên đắp một hòn núi.

Sau điện có sân gạch, bên hữu có một trường-lang, rồi đến *am Phúc-Thọ* 福 壽 庵.

Cuối sân có *điện Thọ-Ninh* 壽 寧 殿, nền lót đá Thanh, chính-tịch 7 gian, đông tây hai hiên, trên nóc đặt bầu rượu, lợp ngói âm dương. Bên tả điện có một hồi-lang, một trù-gia ; bên hữu có một nhà kho.

Sau điện Thọ-Ninh có sân rồi đến tường gạch thấp chắn ngang, giữa xây bình phong.

Ngoài tường thấp là cửa Diễn-Dịch tức là cửa của mặt tường phía bắc.

Cung Diên-Thọ là cung của Hoàng-Thái-Hậu, Thuận-Thiên Cao Hoàng-Hậu, Nghi-Thiên Chương Hoàng-Hậu, Phụ-Thiên Thuần Hoàng-Hậu đều có ở tại cung nầy.

8. — CUNG TRƯỜNG-SANH 長生宮

Cung nầy ở phía bắc cung Diên-Thọ, xây về hướng đông, do vua Minh-Mạng lập năm 1822 để làm nơi dạo chơi tiêu khiển. Năm Thiệu-Trị thứ 6 (1846) trùng tu. Nguyên cung nầy là cung *Trường-Ninh* 長寧宮, năm Khải-Định thứ 8 (1923) mới đổi là cung Trường-Sanh.

Nhà trước gọi là *Ngũ-Đại Đồng đường* 五代同堂 (gọi như thế vì tháng 8 năm Thiệu-Trị thứ 5 (1845) hoàng-trưởng-tôn *Ưng-Phúc* 膺福 sinh ra, lúc ấy Thuận-Thiên Cao Hoàng-Hậu đã 76 tuổi; từ Hoàng-Hậu kể xuống đến hoàng-tôn là 5 đời), nhà giữa là *điện Thọ-Khương* 壽康殿, lầu phía sau là *lầu Vạn-Phúc* 萬福樓, có nhà cầu nối liền với nhau như hình chữ «*vương*» 王.

Sau lầu Vạn-Phúc đến núi giả gọi là *Bửu-sơn* 寶山, bên tả có *Kê-Quan phong* 鷄冠峯, hữu có *Hổ-Tôn phong* 虎蹲峯.

Trong cùng có đào hồ vòng quanh gọi là *Đào-Nguyên* 桃源 thông với hồ Kim-Thủy. Mặt trước, trên hồ có bắc 2 cái cầu.

Chung quanh cung Trường-Ninh có tường bao bọc, mặt trước trổ cửa chính của cung, 3 gian, 3 cửa.

Vua Thiệu-Trị liệt cung nầy vào hàng thứ bảy trong số hai mươi thắng cảnh ở Thần-Kinh, gọi là «*Trường-Ninh thùy điếu*» 長寧垂釣» và có thơ vịnh.

9.— VƯỜN CƠ-HẠ 幾暇園:

Vườn nầy ở phía đông-bắc trong Hoàng thành, cửa vườn gọi là *cửa Thượng-Uyển* 上苑門. Vào khỏi cửa đến *điện Khâm-Văn* 欽文殿, xây về hướng nam, làm năm Tự-Đức nguyên niên (1848), tiền doanh 7 gian 2 chái, lợp ngói hoàng lưu ly, trên nóc trang sức bằng pháp lam. Xưa vua Tự-Đức dùng điện nầy làm nơi *Kinh-Diên* 經筵 (nơi vua nghe giảng sách).

Phía bắc điện là *Minh-hồ* 明湖, trong hồ dựng *gác Quang Biểu* 光表閣, tả hữu có dực lang đi qua hồ, nối liền với điện Khâm-Văn. Bên tả có *tạ Hòa-Phong* 和風榭, hữu có *lang Khả-nguyệt* 可月廊. Phía bắc hồ có *Lầu Thưởng-Thắng* 賞勝樓, xây về hướng bắc. Chu-vi tứ phương có hồi-lang nối liền điện Khâm-Văn và lầu Thưởng-Thắng gọi là *Tứ-Phương Ninh-mật hồi-lang* 四方寧謐迴廊.

Hồi-lang bên hữu, trung gian có *hiên Nhựt-Thận* 日慎軒, xây về hướng tây, trước hiên có lạch nước gọi là *Trại-Võ-giang* 賽武江, phía bắc có *động Đào-Nguyên* 桃源洞, rồi đến *cầu Kim-Nghê* 金霓橋, trên cầu làm nhà che.

Hồi-lang bên tả, trung gian có *Minh-Lý Thư-trai* 明理書齋, xây về hướng đông, trước trại có hồ gọi là *Thụy-Liên chiểu* 瑞蓮沼, phía đông hồ là *Quân-Tử-Phong* 君子峯, phía bắc hồ là *Thọ-An Sơn* 壽安山, trên núi dựng lầu gọi là *Sơn-lầu* 山樓, cũng gọi là *Sơn-đình* 山亭.

Phía bắc lầu Thưởng-Thắng có phượng-môn, hai bên tả hữu dựng 2 cột cờ.

Chỗ vườn nầy lúc trước là nơi đọc sách của vua Minh-Mạng khi ngài còn là Đông-Cung. Đến năm Minh-Mạng thứ 18 (1837) vua cho dựng *Cơ-Hạ Đường* 幾暇堂. Sau vua Thiệu-Trị cho dựng thêm đình điện, và năm Thiệu-Trị thứ 3 (1843) đổi tên là Cơ-Hạ viên.

Nay phần nhiều kiến trúc trong vườn đã bị triệt hạ.

oOo

Trong Hoàng-thành, phía bắc, có một cái hồ dài từ mặt tây qua mặt đông, gọi là *hồ Kim-Thủy* 金水湖 (cùng một tên với hồ bao quanh ngoài Hoàng-thành, nhưng hồ ngoài là *Kim-Thủy trì* 金水池, còn hồ trong là *Kim-Thủy hồ* 金水湖).

Lúc trước tại nơi nầy phong cảnh rất đẹp, lại nhiều lầu tạ nguy-nga tráng lệ, nhưng nay đều mất tích cả.

Trên hồ Kim-Thủy có *cầu Kim-Thủy* 金水橋 nối cửa Hoà-Bình với cửa Tường Loan (cửa đông của mặt bắc Tử-cấm-thành). Cầu dài 12 vài, trên làm trường lang 7 gian.

Phía đông cầu Kim-Thủy, nơi bờ nam hồ có *đình Thất-Doanh* 七楹亭. Phía đông đình, gần góc Tử-cấm-thành có một cái đình nữa, mặt tây đề «*Cung giai bộ nguyệt*» 宮街步月», mặt đông đề «*Doanh-Châu tại nhĩ*» 瀛洲在邇.

Phía đông cầu Kim-Thủy nơi bờ bắc hồ có *Tư-Ấm đường* 思蔭堂 làm năm Minh-Mạng thứ 12 (1831) xây về hướng bắc. Phía nam Tư-Ấm đường, trong hồ, có *lầu Vô-Hạn-Ý* 無限意樓, làm năm Minh-Mạng thứ 12 (1831). Lầu nầy xây về hướng nam, 3 gian, 2 tầng; từ thượng tầng có thang nối với Tư-Ấm đường. Trước lầu có phù-kiều bằng gỗ nối với đình Thất-Doanh.

Phía đông Tư-Ấm đường có *lầu Nhựt-Thành* 日成樓 xây về hướng bắc. Phía nam lầu có tạ làm trên mặt nước, xây về hướug nam, ngách đề «*Thanh khả cư*» 清可居.

Phía đông lầu Nhựt-Thành có *hiên Ấm-Lục* 蔭綠軒 xây về hướng bắc. Phía nam hiên có hồi-lang làm trên mặt nước gọi là *tạ Trừng-Tâm* 澄心榭, làm năm Minh-Mạng thứ 12 (1831).

Tại bờ sông hồ Kim-Thủy có *Cát-Vân đường* 吉雲堂 làm năm Minh-Mạng thứ 3 (1822) xây về hướng đông. Phía đông-nam có *đình Quan-Đức* 觀德亭, xây về hướng bắc.

Phía nam tạ Trừng-Tâm, giữa hồ, có *đảo Doanh-Châu* 瀛洲島, có cầu nối tạ với đảo. Trên đảo có *gác Hải Tĩnh Niên Phong* 海靜年豐閣, làm năm Minh-Mạng thứ 2 (1821) xây về hướng nam, trước gác dựng phượng môn. Vua Thiệu-Trị liệt gác nầy vào hàng thứ sáu trong số hai mươi thắng cảnh ở Thần-Kinh gọi là «*Cao các sinh lương*» 高閣生凉, và có làm thơ vịnh. Phía tây đảo, trên mặt nước có *tạ Trừng-Phương* 澄芳榭; phía đông đảo có *Xưởng Thanh-Tước* 青雀廠, làm năm Minh-Mạng thứ 13 (1832) là nơi để thuyền ngự.

Phía tây cầu Kim-Thủy, giữa hồ, có *đảo Trấn-Bắc* 鎮北島. Phía bắc đảo có *đình Dịch-Hương* 挹香亭, thờ tượng đồng *Chấn-Võ Đế-Quân* 真武帝君. Phía tây đảo có *châu Như-Ý* 如意洲.

Phía tây châu nầy, hai bên bờ nam bắc của hồ lại có hai châu nữa. Nam châu có đình bát-giác ngách đề «*Bát phong tùng luật*» 八風從律; bắc châu có phương tạ, ngách đề «*Tứ phương bình định*» 四方平定, đều làm năm Minh-Mạng thứ 17 (1836).

Lại về phía tây-nam có một con đê đắp ra giữa hồ gọi là *đê Chi-Anh* 芝英隄.



V.— TỬ CẤM-THÀNH.

Sau điện Thái-Hòa có một cái sân lát đá, hai bên dựng 2 cửa phượng-môn, bên tả là *cửa Nhựt-Tinh* 日精門, bên hữu là *cửa Nguyệt-Ánh* 月英門 (xưa gọi là *cửa Nguyệt-Hoa* 月花, năm Thiệu-Trị thứ nhứt vì kiêng chữ Hoa nên mới đổi tên này), đều làm năm Minh-Mạng thứ 14 (1833). (1)

Cuối sân có 1 lần thành nữa, gọi là *Tử cấm-thành* 紫禁城. Cung điện của vua đều ở trong thành nầy.

Thành xây năm Gia-Long thứ 3 (1804) gọi tên là *Cung-Thành* 宮城; năm Minh-Mạng thứ 3 (1822) mới đổi là Tử-cấm-thành. Chu-vi 307 trượng 3 thước 4 tấc (1.229m36); trước và sau mỗi mặt dài 81 trượng (324m); tả và hữu mỗi mặt dài 72 trượng 6 thước 7 tấc (290m68). Thành cao 9 thước 3 tấc (3m72), dày 1 thước 8 tấc (0m72).

Tử-cấm-thành có 7 cửa: nam là *cửa Đại-Cung* 大宮門; đông là *cửa Hưng-Khánh* 興慶門, *cửa Đông-An* 東安門; tây là *cửa Gia-Tường* 嘉祥門, *cửa Tây-An* 西安門; bắc là *cửa Tường-Loan* 祥鸞門, *cửa Nghi-Phụng* 儀鳳門.

o0o

Cửa Đại-Cung làm năm Minh-Mạng thứ 14 (1833) rộng 5 gian, có 3 cửa tiếp nhau, trùng thiềm trùng lương, lợp ngói hoàng lưu ly; mặt trước sơn son thếp vàng, nam bắc mỗi mặt có 3 bệ đá để lên xuống. Phía ngoài cửa treo tấm biển đề *Đại-Cung môn* 大宮門, phía trong cửa treo tấm biển đề *Càn-Thành cung* 乾成宮

(1) Bà Hồ-thị-Hoa quê quán Thủ-đức (Nam-việt) là vợ thứ nhất của vua Minh-Mạng và là mẹ của vua Triệu-Trị.

(nguyên dưới triều Gia-Long chưa có tên cung, đến năm Minh-Mạng thứ 14 (1833), qui chế đã hoàn bị, mới định tên *điện Trung-Hòa* 中和殿, sau đổi làm *điện Cần-Thành* 乾成殿, ra đến cửa Đại-Cung gọi là cung Cần-Thành. Nên phân biệt chữ cung chỉ nhiều tòa nhà còn điện chỉ một tòa nhà mà thôi).

oOo

Sau cửa Đại-Cung là một cái sân rộng, rồi đến *điện Cần-Chánh* 勤政殿 là nơi thiết thường-triều. Điện làm năm Gia-Long thứ 10 (1811), xây về hướng nam, chính-tịch 5 gian, tiền tịch 7 gian, đông tây có 2 chái, nền cao 2 thước 3 tấc (0m92), trùng thiềm trùng lương, lợp ngói hoàng lưu ly, mặt trước trang sức bằng pháp lam, trên nóc thiết bầu rượu bằng pháp lam. Mặt nam có 3 bệ đá để lên xuống, mặt bắc hai bệ, đông tây mỗi mặt một bệ.

Điện Cần-Chánh sắp đặt cũng giống như điện Thái-Hòa nhưng đẹp hơn. Gian giữa thiết ngự tọa (long sàng chứ không phải là ngai như ở Thái-Hòa), tả hữu treo địa-đồ các tỉnh.

Điện nầy đã được tu bổ 3 lần, vào các năm 1827 (Minh-Mạng), 1850 (Tự-Đức) và 1899 (Thành-Thái), và sơn son thếp vàng dưới triều Khải-Định.

Tại sân điện Cần-Chánh có để hai cái vạc lớn bằng đồng của người thợ đúc lai Bồ-Đào-Nha tên là Jean de la Croix, đúc cho vua Hiền, mỗi cái đường kính 2m22, cao 1m84, một cái nặng 1558 ki-lô đúc năm 1660 và một cái nặng 1550 ki-lô, đúc năm 1662.

Hai bên sân điện Cần-Chánh có hai nhà *Tả-vu* 左廡 và *Hữu-vu* 右廡, là nơi các quan ngồi chờ buổi sớm trước khi vua ra triều. Hai nhà nầy làm năm Gia-Long thứ 18 (1819), mỗi nhà 5 gian 2 chái, lợp ngói thanh lưu ly. Chái bắc nhà Tả-vu

là *viện Cơ-mật* 機密院, chái nam là *phòng Nội-Các* 內閣房. Tại đây tập trung tất cả phiến tấu của các Bộ, Nha, đệ dâng lên vua ngự lãm. Xong rồi Nội-Các giữ lại những bản chính có châu điểm, châu phê, và lục bản phó ra các Bộ, Nha.

Mỗi khi có việc quan trọng và cần kíp các quan cũng họp bất thường tại nhà Tả-vu. Theo lệ phải để quan nhỏ nói trước, quan lớn nói sau, sợ rằng quan lớn nói trước, thì quan nhỏ không giám phát biểu ý kiến nữa. Sau buổi họp thời dâng phiến lên Hoàng-đế.

oOo

Sau điện Cần-Chánh là *điện Càn-thành* 乾成殿 làm năm Gia-Long thứ 10 (1811) nguyên tên là *điện Trung-Hòa* 中和殿 năm Minh-Mạng thứ 20 (1839) đổi lại là điện Càn-Thành.

Điện xây về hướng nam, nền cao 2 thước 3 tấc (0m92), chính tịch 7 gian, tiền-tịch hậu-tịch đều 9 gian, đông tây có 2 hiên. Mặt trước và sau mỗi mặt có 3 bệ đá để lên xuống, tả hữu mỗi bên một bệ. Điện làm theo kiểu trùng thiềm trùng lương, lợp ngói hoàng lưu ly, trên nóc vờ mấy đường quyết trang sức bằng pháp lam.

Trước điện là một cái sân rộng, giữa có đường dũng đạo lát đá; trước sân có ao sen rồi đến một cái bình phong.

Điện Càn-Thành xưa là nơi vua ở.

Cửa Đại-Cung và các điện Cần-Chánh, Càn-Thành đều bị đốt cháy vào đầu tháng 2 năm 1947.

oOo

Sau điện Cần-Thành là *cung Khôn-Thái* 坤泰宮, (nguyên dưới triều Gia-Long tên là *cung Khôn-Đức* 坤德宮, đến năm Minh-Mạng thứ 14 (1833) vua mới định từ điện Trung-Hòa trở về sau gọi là cung Khôn-Thái).

Điện chính của cung nầy là *điện Cao-Minh Trung-Chính* 高明中正殿, (nguyên tên là *cung Khôn-Nguyên* 坤元宮), làm năm Gia-Long thứ 3 (1804), chính-tịch 7 gian, tiền-tịch, hậu-tịch đều 9 gian, đông tây có hai hiên. Điện làm theo kiểu trùng, thiềm trùng lương, lợp ngói âm dương, hai mặt trước và sau mỗi mặt có 3 bệ đá để lên xuống, tả hữu mỗi bên một bệ. Hiên phía đông của điện gọi là *viện Tĩnh-Quan* 靜觀院, tức là nhà hát riêng của vua, do nội-cung hát cho vua xem mà thôi, khác với Duyệt-Thị-đường là nơi các quan vào xem được và do đội Võ-Ca hát.

Cung Khôn-Thái nguyên là chỗ ở của Hoàng-Quí-Phi, và đã bị triệt hạ dưới triều Khải-Định.

o0o

Sau cung Khôn-Thái đến *lầu Kiến-Trung* 建中樓, nguyên chỗ nầy xưa là *lầu Minh-Viễn* 明遠樓, làm năm Minh-Mạng thứ 8 (1827), nền cao 1 trượng 1 tấc (4m04), chung quanh xây lan can, mặt nam có 3 bệ đá, mặt bắc 1 bệ để lên xuống. Lầu 3 tầng, 3 gian 2 chái, cao 2 trượng 7 thước (10m80) lợp ngói hoàng lưu ly, Phía bắc lầu, hai bên tả hữu dựng hai cột cờ.

Vua Thiệu-Trị liệt lầu nầy vào hàng thứ nhứt trong số hai mươi thắng cảnh ở Thần-Kinh, gọi là « *Trùng minh viễn chiếu* » 重明遠照, và có làm thơ vịnh.

Năm Tự-Đức thứ 29 (1876) lầu Minh-Viễn bị triệt giải, đến năm Duy-Tân thứ 7 (1913) làm lại một cái lầu khác theo kiểu mới, gọi là *lầu Du-Cửu* 悠久樓. Năm Khải-Định thứ nhất (1916) cải tên

là *lầu Kiến-Trung* 建中樓. Nhưng vì lầu nầy chật hẹp nên qua năm 1921 vua thân chế khiêu thức, tham chước cả Âu, Á, và sắc bộ Công y theo mà làm, đến năm 1923 thì xong.

Lầu Kiến-Trung bị phá hủy hồi đầu tháng 2 năm 1947.

o0o

Trên đây là các cung, điện chính của Tử-cấm-thành, sắp theo một đường thẳng sau cửa Đại-Cung.

Sau nầy lần lượt chúng tôi sẽ nói đến các cung điện ở hai bên tả hữu.

o0o

Phía đông nhà Tả vu có gác Đông-Các, xây về hướng tây, làm năm Minh-Mạng thứ 7 (1826), hai tầng, nền cao 3 thước 8 tấc (1m52) lợp ngói thanh lưu ly. Phía nam các có *Tụ-Khuê thơ-lâu* 聚奎書樓, là lầu chứa sách,

o0o

Bên tả điện Cần-Chánh có *điện Văn-Minh* 文明殿, bên hữu có *điện Võ-Hiển* 武顯殿, đều xây về hướng nam. lợp ngói thanh lưu ly, và làm năm Gia-Long thứ 18 (1819), lúc ấy gọi là tả, hữu Phương-đường.

Năm Minh-Mạng thứ 5 (1824) vua cải nhà bên tả làm điện Võ-Hiển, nhà bên hữu làm điện Văn-Minh; đến năm thứ 13 (1832) lại cải tả làm Văn-Minh, hữu làm Võ-Hiển.

Đến triều Khải-Định và Bảo-Đại, hai điện Võ-Hiển và Văn-Minh bị triệt hạ vì hư nát nhiều quá, và tại chỗ cũ điện Văn-Minh có làm một cái đình lục-giác.

o0o

Khoảng giữa hai điện Cần-Chánh và Càn-Thành, bên tả có *điện Quang-Minh* 光明殿 xây về hướng đông, bên hữu có *điện Trinh-Minh* 貞明殿 xây về hướng tây, đều trùng thiềm, lợp ngói thanh lưu ly và làm năm Gia-Long thứ 9 (1811), năm Minh-Mạng thứ 11 (1830) trùng tu. Điện Quang-Minh trước là chỗ ở của Đông-Cung Hoàng-tử, điện Trinh-Minh là chỗ ở của các bà Phi.

oOo

Phía đông điện Quang-Minh có *Duyệt-Thị đường* 閱是堂, là nhà hát của vua.

Phía đông Duyệt-Thị đường có nhà *Thượng-Thiện* 尚膳 (chỗ nấu các bữa ăn của vua), *viện Thái-Y* 太醫院 (chỗ thầy thuốc của vua) và *Thị-Vệ trực-phòng* 侍衛直房, (chỗ túc trực của võ quan hầu cận).

oOo

Bên tả điện Càn-Thành có một cái vườn, trong dựng *điện Minh-Thận* 明慎殿 xây về hướng tây, lợp ngói hoàng lưu ly. Trước điện xây hồ vuông gọi là *hồ Quang-Văn* 光文池; phía tây hồ có *gác Tứ-Phương Vô-Sự* 四方無事閣, bắc có *lầu Tự-Cường* 自彊樓, đông có *lầu Nhựt-Thành* 日成樓, đều làm năm Thiệu-Trị thứ nhất (1841), đến triều Thành-Thái triệt giải hết, chỉ để lại lầu Nhựt-Thành (trong lầu, tầng dưới có bức hoành khắc bốn chữ *Minh Kính Cao Đường* 明鏡高堂, do vua Đồng-Khánh ngự đề).

oOo

Khoảng giữa điện Càn-Thành và điện Cao-Minh Trung-Chính, bên hữu có *viện Thuận-Huy* 順徽院 là chỗ ở của các bà Tần.

Phía tây viện Thuận-Huy có 5 viện nữa là: *viện Đoan-Thuận*

端順院 (ở phía bắc hành lang đi ra cửa Gia-Tường, xây về hướng nam), *viện Đoan-Hòa* 端和院 (ở phía nam hành lang ấy, làm năm Thiệu-Trị thứ 6 (1846) xây về hướng bắc), *viện Đoan-Huy* 端徽院 (ở phía bắc hai viện trên làm năm Minh-Mạng thứ 8 (1827) xây về hướng nam), *viện Đoan-Trang* (phía tây viện Đoan-Huy làm năm Minh-Mạng thứ 2 (1821) xây về hướng tây), *viện Đoan-Tường* 端祥院 (phía tây viện Đoan-Trang làm năm Minh-Mạng thứ 3 (1822) xây về hướng đông).

Năm viện nầy là chỗ ở của các Cung-nhơn.

o0o

Khoảng giữa điện Càn-Thành và điện Cao-Minh Trung-Chính, bên tả có *viện Dưỡng-Tâm* 養心院 làm năm Gia-Long thứ 9 (1810) xây về hướng đông, trùng thiềm, lợp ngói âm dương, là nơi vua đến nghỉ ngơi xem sách khi nhàn rỗi.

Phía đông viện Dưỡng-Tâm có *Thanh-Hạ thư-lầu* 清暇書樓 xây về hướng tây ; phía bắc thư-lầu có *Đạm-Như thi-xá* 澹如詩舍 xây về hướng bắc (thư-lầu, thi-xá đều triệt giải dưới triều Thành-Thái).

o0o

Lại về phía đông có *vườn Thiệu-Phương* 紹芳園 làm năm Minh-Mạng thứ 9 (1828), chung quanh có tường bao bọc, cửa chính xây về hướng nam. Giữa vườn có hồi-lang đi ra bốn phía và tiếp mái với nhau như hình chữ « *Vạn* » 卍 nên gọi là *Vạn-Tự hồi lang* 卍字迴廊, nơi bốn góc hồi-lang dùng hai đường, hai hiên.

Tây-nam đường gọi là *Di-Nhiên đường* 怡然堂 xây về hướng nam.

Đông-nam hiên gọi là *Vĩnh-Phương hiên* 永 芳 軒 xây về hướng đông.

Đông-bắc đường gọi là *Cẩm-Xuân đường* 錦 春 堂 xây về hướng bắc.

Tây-bắc hiên gọi là *Hàm-Xuân hiên* 含 春 軒 xây về hướng tây.

Phía tây Vạn-Tự hồi-lang có hai lạch nước gọi là *Ngự-Câu* 御 溝 có cống thông với *hồ Ngọc-Dịch* 玉 液 池 ở phía bắc. Trên bờ đông của lạch có *núi Trích-Thúy* 滴 翠 山.

Phía tây Ngự-Câu có *điện Hoàng-Phúc* 皇 福 殿, xây về hướng đông, 5 gian 2 chái, trùng thiềm, lợp ngói hoàng lưu ly. Phía nam điện có đình bát-giác, ngách đề «*Nhơn thanh bát biểu*» 仁 聲 八 表. Phía bắc điện có phương-đình, ngách đề «*Minh đạt tứ thông*» 明 達 四 聰, đều làm năm Thiệu-Trị thứ nhứt (1841), đến triều Đồng-Khánh triệt giải.

Phía bắc đình gần hồ Ngọc-Dịch có tạ, ngách đề «*Lương đình điếu ngư*» 涼 亭 釣 魚, năm Thiệu-Trị thứ 3 (1843) làm lại, đặt tên là *tạ Trừng-Quang* 澄 光 榭.

Vua Thiệu-Trị liệt vườn này vào hàng thứ hai trong số hai mươi thắng cảnh ở Thần-Kinh gọi là «*Vĩnh Thiệu phương văn*» 永 紹 芳 聞 và có làm thơ vịnh.

o0o

Phía bắc vườn Thiệu-Phương có một vườn nữa gọi là *Ngự-Viên* 御 園. Trong vườn có *hồ Ngọc-Dịch* 玉 液 池; lại có *Tiểu Ngự-hà* 小 御 河 dẫn nước hồ Kim-Thủy từ tây qua đông, nhận nước của hồ *Phúc-Hoằng* 福 泓 ở phía bắc đến hội, rồi phân làm hai nhánh, một nhánh chạy tới hồ Ngọc-Dịch, một nhánh chạy đến cống nước ở Đông-An.

Gần hồ Phúc-Hoằng có *điện Thiên-Thân* 天申殿 làm năm Minh-Mạng thứ 2 (1821); trong hồ đắp *núi Tú-Nhuận* 秀潤山, trên núi có *đình Vọng-Hà* 望霞亭, làm năm Minh-Mạng thứ 2 (1821), năm Thành-Thái thứ 3 (1891) triệt giải.

Phía bắc Tiểu Ngự-hà có *Trí-Nhơn đường* 智仁堂 làm năm Minh-Mạng thứ 2 (1821) (sau vua Đồng-Khánh làm lại, đổi tên là *Thái-Bình Ngự-Lãm thơ-lầu* 太平御覽書樓). *Lầu Thúy-Quang* 翠光樓, (tầng trên thờ trời, tầng dưới thờ các vị sao), *chùa Hoằng-Ân* 弘恩寺 (thờ Phật), *miếu Uy-Linh Tướng-Hựu* 威靈相祐廟 (thờ Quan-Công), đều làm dưới triều Thiệu-Trị, đến triều Thành-Thái triệt giải hết.

Trong vườn lại còn có nhiều núi giả, và cầu bắc qua Tiểu Ngự-hà.

Vua Thiệu-Trị liệt vườn nầy vào hàng thứ năm trong số hai mươi thắng cảnh ở Thần-Kinh, gọi là « *Ngự-viên đắc nguyệt* » 御園得月, và có làm thơ vịnh.

o0o

Phía tây lầu Kiến-Trung, lúc trước có *viện Vân-Cẩm* 雲錦院, làm năm Minh-Mạng thứ 9 (1828), rồi đến *Hương-Cẩm đường* 香錦堂, làm năm Minh-Mạng thứ 7 (1826), đều xây về hướng đông.

Lại về phía tây có *nhà thờ Linh-Xuân* 䰕春祠, rồi đến cửa Tây-An.

Những nhà nầy về sau lần hồi bị triệt hạ cả, và gần đây có làm lại một dãy nhà dài dùng để xe hơi của vua.



VI. — NHỮNG CỔ-TÍCH NGOÀI KINH-THÀNH HUẾ

1.— LẦU PHU-VĂN 敷文樓

Lầu nầy ở ngoài mặt nam Kinh-Thành, ngay trước Kỳ-đài. Lầu 2 tầng, xây về hướng nam, lúc trước dùng làm nơi cọng yết các chiếu thư hoặc bảng thi Hội, thi Đình. Vì thế nên lúc mới làm gọi là *Bảng-Đình* 榜亭.

Lầu Phu-Văn làm năm Gia-Long thứ 18 (1819). Năm Minh-Mạng thứ 20, vua định thể thức công bố các chiếu thư : sau khi đã được tuyên đọc ở Ngọ-Môn hay ở điện Thái-Hòa, chiếu thư được đặt lên long-đình có lọng che và quân lính theo hầu để đem yết tại lầu ; các quan tỉnh và hương lão phải đến lạy trước chiếu thư.

Trước lầu, hai bên tả hữu có dựng 2 tấm bia đá khắc 4 chữ «Khuynh cái hạ mã».

Năm Minh-Mạng thứ 10 (1829) vua ngự thuyền xem một cuộc voi cọp đấu sức với nhau trước lầu Phu-văn. Cũng tại đây, nhân dịp tứ tuần (1830) và ngũ tuần (1840) của vua, có tổ chức nhiều cuộc vui.

Năm Thiệu-Trị thứ 3 (1843) vua cho dựng một cái bia bên hữu lầu để khen cảnh sông Hương (cảnh sông nầy được vua

liệt vào hàng thứ 9 trong số hai mươi thắng cảnh ở Thần Kinh và gọi là «*Hương Giang hiểu phiếm*» 香江曉泛). Năm thứ 7 (1847) nhân dịp tứ tuần, vua cho vời 773 ông lão, cộng chung được 59.017 tuổi đến trước lầu, ngài thân hành đón một ông lão trên 100 tuổi, và ngài thết các ông ấy luôn trong 3 ngày.

Năm Tự-Đức thứ 31 (1878), nhân lễ ngũ tuần, vua cho bày nhiều cuộc vui tại đây.

Bão năm giáp-thìn (11-11-1904) làm đổ một phần lầu Phu-Văn, nhưng về sau đã được làm lại theo quy thức cũ.

oOo

2.— CHÙA DIỆU-ĐẾ 妙諦寺

Chùa Diệu-Đế làm năm Thiệu-Trị thứ 4 (1844) ở đông ngàn sông Đông-Ba (thuộc địa phận phường Phú-Cát bây giờ), xây về hướng tây.

Nguyên năm ấy có Thông-Quan Thị-Vệ đại-thần là *Vũ-văn-Giải* 武文解 dâng sớ tâu rằng chỗ vườn của *Phúc-Quốc-Công* 福國公 lúc trước, tại *ấp Xuân-Lộc* 春祿邑 ngoài mặt đông Kinh-thành là nơi phát tướng quí địa, xin dựng một ngôi chùa để cầu phúc cho dân. Vua bèn giao cho hai bộ Lễ và Công xét tấu. Hai bộ ấy tâu xin lập một ngôi chùa, chính giữa dùng chính điện 3 gian 2 chái ; hai bên tả hữu điện làm *Thiền-đường* 禪堂 đều 3 gian 2 chái ; trước điện dùng một gác 2 tầng, 3 gian ; hai bên tả hữu gác làm một lầu chuông và một lầu trống, và làm hai nhà lục giác mỗi cái một gian (nhà bên tả để chuông, nhà bên hữu để bia của vua, ghi tên các ngôi nhà và tôn ý của vua) ; trước gác dựng một lầu *Hộ-Pháp*. 護法 ; sau điện làm tả hữu tăng-phòng đều 5 gian, tả hữu trù-gia đều 3 gian ; chung quanh chùa xây tường gạch bao bọc, mặt trước trổ

cửa tam-quan, còn hai mặt bắc và nam cũng đều trổ một cửa ; trước chùa, gần bờ sông làm phượng môn 3 cửa.

Vua chuẩn y lời tâu ấy và cho làm chùa.

Sau vua lại giáng chỉ đặt tên chùa ấy là chùa Diệu-Đế, đặt tên điện là *điện Đại-Giác* 大覺殿, gác là *gác Đạo-Nguyên* 道源閣, tả Thiền-đường là *Cát-Tường Tứ-thất* 吉祥慈室, hữu Thiền-đường là *Trí-Tuệ Tinh-xá* 智慧精舍.

Ngày 14-6-1885 vua Hàm-Nghi cho triệt hạ chùa Giác-Hoàng và đưa các tượng Phật ra qui trí tại chùa Diệu-Đế.

Cũng năm ấy, sau lúc Kinh-đô thất thủ, Nam-triều lấy Cát-Tường Tứ-thất làm sở đúc tiền, Trí Tuệ Tinh-xá làm công-đường cho các quan tỉnh tỉnh Thừa-Thiên, một tăng-phòng làm nhà lao của tỉnh, và một tăng-phòng làm trụ sở cho Khâm-thiên giám.

Năm 1887 một phần lớn những ngôi nhà trong chùa đều bị triệt hạ ; năm 1910 đến lượt gác Đạo-Nguyên và thay vào bằng hai nhà nhỏ thờ Kim-Cang.

Hiện nay điện Đại-Giác đang còn. Trong điện chính giữa thờ Tam-Thế ; bàn thờ dưới có bài-vị của vua Thiệu-Trị, người sáng lập ngôi chùa ; hai bên thờ các ngài Văn-Thù và Phổ-Hiền cùng thập bát La-Hán.

Chùa Diệu-Đế có nhiều tượng Phật hơn cả, nhưng không đẹp bằng ở *chùa Thiên Mụ* 天姥寺.

Trong chùa đáng để ý là một cái tháp Thiên-Mụ bằng ngà lọng gương.

oOo

3. — NHÀ THỜ QUAN-CÔNG 關公祠

Nhà thờ nầy cũng ở đông ngạn sông Đông-Ba, bên hữu chùa Diệu-Đế. Tục gọi là chùa Ông; trong thờ Quan-công (tức là *Quan-Vũ* 關羽, tự *Vân-Trường* 雲長, kết nghĩa với *Lưu-Bị* 劉備 và *Trương-Phi* 張飛; sau giao chiến với Đông-Ngô bị tử trận, rồi hiển thánh).

Nguyên xưa nhà thờ nầy làm phụ vào một bên chùa Thiên-Mụ, đến năm Thiệu-Trị thứ 5 (1845) mới dời làm lại vào chỗ bây giờ, chính tịch tiền tịch đều 3 gian.

Trước kia, mỗi năm vào ngày tỵ hai tháng trong mùa xuân và mùa thu có phái quan đến tế.

oOo

4. — CHÙA THIÊN MỤ 天姥寺

Chùa Thiên-Mụ ở phía tây ngoài Kinh-thành, trên một cái gò, thuộc địa phận *làng An-Ninh* 安寧社. Chùa nầy xưa nhất ở Huế.

Ô-châu cận lục nói : Chùa này ở phía nam xã Hà-Khê, huyện Hương-Trà, ở trên gò núi, dưới giáp dòng sông, thoát trần tục trong tam thiên thế giới, gần gang tấc nơi thiên trì, có khách tản bộ đăng lâm, thì phát được cái lòng lành, tiêu cái mối tục, ấy thật là cái cảnh tri phương trượng vậy.

Nguyên năm Tân-Sửu (1601), chúa Nguyễn-Hoàng đi đến chỗ nầy, thấy giữa đất bằng đột khởi lên một cái gò như hình đầu con rồng ngoảnh lại, trước có sông, sau có hồ, cảnh trí tốt đẹp. Nhơn hỏi người ở đây thời đáp rằng : « Gò ấy rất linh dị, tương truyền

lúc xưa có người, ban đêm, trông thấy một bà già mặc áo đỏ quần lục, ngồi trên đỉnh gò mà nói « *rồi đây sẽ có chân chúa đến lập chùa ở nơi nầy để tụ linh khí mà làm cho bền long-mạch* » ; nói xong thời bà ấy biến mất, nhân thế dân chúng mới gọi cái gò ấy là *núi Thiên-Mụ* 天姥山 ». Chúa thấy chỗ đất có linh khí bèn dựng chùa đặt tên là *chùa Thiên-Mụ*.

Năm Ất-tị (1665) chúa Nguyễn-Phúc-Tần trùng tu.

Tháng tư năm canh-dần (1710) chúa Nguyễn-Phúc-Chu cho đúc cái chuông lớn, nặng 3285 cân ta. Chúa thân làm bài văn khắc vào chuông.

Tháng 6 năm giáp-ngọ (1714) chúa sửa sang lại chùa Thiên-Mụ, làm rộng lớn thêm và phái Chưởng-Cơ *Tống-Đức-Đại* 宋德大 trông nom việc ấy. Từ ngoài cửa chùa đi vào có *điện Thiên-Vương* 天王殿, *điện Ngọc-Hoàng* 玉皇殿, *điện Đại-Hùng* 大雄殿, *Thuyết-Pháp đường* 說法堂, *lầu Tàng-Kinh* 藏經樓. Ở hai bên có lầu chuông, lầu trống, *điện Thập-Vương* 十王殿, *Vân-Thủy đường* 雲水堂, *Tri-Vị đường* 知味堂, *Thiện-đường* 禪堂, *điện Đại-Bi* 大悲殿, *điện Dược-Sư* 藥師殿, cùng các nhà của các sư tất cả trên vài chức sở.

Sau chùa, trong *vườn Côn-Da* 昆耶園 có nhà *Phương-Trượng* 方丈, và các nhà khác tất cả cũng trên vài chức sở.

Các điện, đường đều làm rất huy hoàng, được một năm thì xong.

Chúa thân làm một bài văn để ghi công đức của chúa trong việc chấn hưng đạo Phật, và những chi tiết trong các kiến trúc ở chùa, rồi cho khắc vào một tấm bia lớn bề cao 2m60, bề rộng 1m20. Bia nầy khắc rất đẹp, đề cuối năm 1715, và dựng trên một con rùa lớn bằng đá cẩm-thạch.

Trước chùa, bên sông Hương, chúa cho dựng một đài để câu cá (*Điếu-Ngư đài* 釣魚臺).

Chúa lại sai người sang Trung-Hoa mua *Đại-Tạng Kinh* 大藏經, và *Luật* 律, *Luận* 論 hơn một ngàn bộ đem về để tại chùa.

Chúa thường đến viếng cảnh chùa luôn.

Tháng 7 năm Giáp-ngọ, chúa mở đại hội tại chùa Thiên-Mụ và giữ trai giới tại vườn Côn-Da một tháng ; trong dịp nầy có phát tiền gạo cho những kẻ nghèo khổ.

Về đời Lê mạt và Tây-Sơn, chùa Thiên-Mụ bị binh hỏa tàn phá rất nhiều,

Năm 1815 vua Gia-Long cho trùng tu lại và năm 1831 vua Minh-Mạng cũng cho sửa sang đẹp đẽ hơn.

Các kiến trúc thời ấy như sau :

Chính giữa là *điện Đại-Hùng* 大雄殿, chính đường 3 gian 2 chái, tiền đường 5 gian hợp lại thành 1 tòa. Trong điện nầy có thờ rất nhiều tượng Phật và có một cái khánh đồng do người Bồ-Đào-Nha Jean de la Croix đúc năm 1674. Phía sau là *điện Di-Lặc* 彌勒殿, 3 gian, rồi đến *điện Quan-Âm* 觀音殿, 3 gian. Sau điện Quan-Âm bên hữu có *lầu Tàng-Kinh* 藏經樓, 3 gian.

Trước điện Đại-Hùng, 2 bên đông tây mỗi bên có một *điện Thập-Vương* 十王殿, trước nữa mỗi bên có một nhà *Lôi-gia* 雷家. Ra phía ngoài có một cửa 3 gian trên làm lầu gọi là *Nghi-môn* 儀門, nơi vách cửa có 6 tượng Kim-Cang nổi. Trong cửa bên tả có gác để chuông, bên hữu có gác để trống. Trước cửa bên tả có nhà lục-giác để bia của chúa Nguyễn-Phúc-Chu, bên hữu có nhà lục-giác để cái chuông lớn đúc dưới thời chúa.

Bốn mặt chùa xây tường gạch bao bọc, trổ tất cả tám cửa lớn và nhỏ.

Năm Thiệu-Trị thứ 4 (1844) vua cho dựng thêm ngoài cửa Nghi-môn một cái tháp hình bát-giác cao 5 trượng 3 thước 2 tấc (21m24) đặt tên là *tháp Từ-Nhân* 慈仁塔, sau đổi lại là *tháp Phúc-Duyên* 福緣塔. Tháp có 7 tầng, mỗi tầng thờ một đức Phật, tầng cao nhất thờ đức Phật Thế-Tôn.

Trước tháp vua cho dựng *đình Hương-Nguyện* 香願亭, 3 gian, trên nóc đình đặt vòng bánh xe gọi gọi là *Pháp-luân* 法輪, khi gió thổi thời bánh xe chạy.

Hai bên tả hữu có dựng thêm 2 cái nhà để hai bia của vua truyền khắc vào năm 1846, mỗi bia cao 1m70, rộng 0m90. Bia bên hữu ghi việc kiến trúc tháp Phúc-Duyên và đình Hương-Nguyện ; bia bên tả ghi nhiều bài thơ của vua.

Ngài liệt cảnh chùa Thiên-Mụ vào hàng thứ 14 trong số 20 thắng cảnh ở Thần-kinh, gọi là «*Thiên-Mụ chung thanh*» 天姥鐘聲, và có làm thơ vịnh.

Năm Thành-Thái thứ 16 (1904) bão lớn làm cho chùa bị đổ nát rất nhiều. Năm thứ 19 (1907) được sửa sang lại. Điện Di-Lặc và tả hữu Thập-Vương điện điều triệt hạ; còn đình Hương-Nguyện thời đổi làm lại nơi nền cũ của điện Di-Lạc, và dùng làm nơi thờ đức Quan-Công.

oOo

5. — VĂN-MIẾU 文廟

Văn-miếu lập bên bờ sông Hương trên chùa Thiên-Mụ chừng 500 thước tây, thuộc địa phận *làng An-Ninh* 安寧社.

Năm 1691 chúa *Nguyễn-Phúc-Chu* 阮福淍 miếu lập tại làng *Triều-Sơn* 朝山, có thờ tượng đức *Khổng-Tử* 孔子. Năm 1766 chúa *Nguyễn Phúc-Thuần* 阮福淳, dời đến *làng Lương-Quán* 涼館社, ở

hữu ngạn sông Hương ; qua năm 1770 lại dời về *làng Long-Hồ* 龍湖社, ở tả ngạn, chỗ nhà thờ *Khải-Thánh* 啟聖祠 bây giờ.

Năm Gia-Long thứ 7 (1808) vua cho dời về làng An-Ninh (tức là chỗ hiện nay) chôn thần tượng và cải đề bài-vị. Vua Minh-Mạng sửa chữa luôn trong mấy năm : 1820, 1822, 1830, 1840.

Miếu làm chính đường 5 gian 2 chái, tiền đường 7 gian ; đông-vu, tây-vu đều 7 gian.

Khám chính giữa thờ thần-vị đức Khổng-tử ; tả hữu thiết 4 khám thờ thần-vị tứ phối : *Nhan-tử* 顏子 (tức là *Nhan-Hồi* 顏回 tên tự là *Uyên* 淵), *Tăng-tử* 曾子 (tức là *Tăng-Sâm* 曾參, tên tự là *Dư* 輿), *Tử-Tư* 子思 (tức là *Khổng-Cấp* 孔伋, tên tự là *Tư* 思), *Mạnh-tử* 孟子, (tức là *Mạnh-Kha* 孟軻, tên tự là *Dư* 輿).

Hai án đông tây thiết thần-vị thập nhị triết : *Mẫn-Tổn* 閔損 (tên tự là *Khiên* 騫), *Nhiễm-Canh* 冉耕 (tên tự là *Bá-Ngưu* 伯牛) *Nhiễm-Ung* 冉雍 (tên tự là *Trọng-Cung* 仲弓), *Tể-Dư* 宰予 (tên tự là *Ngã* 我), *Đoan-Mộc-Tứ* 端木賜 (tên tự là *Cống* 貢), *Nhiễm-Cầu* 冉求 (tên tự là *Hữu* 有), *Trọng-Do* 仲由 (tên tự là *Lộ* 路), *Ngôn-Yển* 言偃, (tên tự là *Du* 游), *Bốc-Thương* 卜商, (tên tự là *Hạ* 夏), *Chuyên-Tôn-Sư* 顓孫師, (tên tự là *Trương* 張), *Hữu-Nhược* 有若 (tên tự là *Hữu* 有), *Chu-Hy* 朱熹 (tên tự là *Nguyên-Hối* 元晦, cũng có tự là *Trọng-Hối* 仲晦).

(Nguyên chỉ có thập triết, đến năm Minh-Mạng thứ 18 mới chuẩn thờ hai ông Hữu-Nhược và Chu-Hy).

Hai nhà đông-vu và tây-vu có thiết 14 án thờ tiên-hiền tiên-nho.

Trước sân dựng 2 nhà để bia : bia bên tả khắc dụ của vua Minh-Mạng « không cho cung giám (tức là hoạn-quan) được liệt vào hàng quan lại » ; bia bên hữu khắc dụ của vua Thiệu-Trị « không cho ngoại-thích (bà con bên mẹ và bên vợ vua) được thân chánh ».

Chung quanh miếu có một lần tường thấp bao bọc mặt trước, chính giữa có *cửa Đại-Thành* 大成門, trên làm lầu, mặt tả có *cửa Kim-Thanh* 金聲門, mặt hữu có *cửa Ngọc-Chấn* 玉振門.

Ngoài cửa Đại-Thành, bên tả có *Hữu-Văn đường* 右文堂, (nguyên là *Sùng-Văn đường* 崇文堂, dựng năm Thiệu-Trị thứ nhất), bên hữu có *Duy-Lễ đường* 肄禮堂, đều 1 gian 2 chái.

Phía đông Hữu-văn đường có nhà vuông một gian thờ Thổ-Công.

Ngoài cửa Kim-Thanh, phía bắc có *Thần-Khố* 神庫, ngoài cửa Ngọc-Chấn, phía bắc có *Thần-trù* 神廚.

Một lần tường nữa bao quanh tất cả. Mặt nam, chính giữa có cửa chính của miếu gọi là *Văn-Miếu môn* 文廟門, trên làm lầu ; mặt đông có *cửa Chấn-Đức* 振德門 (nguyên tên là *cửa Đạt-Thành* 達誠門, năm Thiệu-Trị thứ nhất đổi) mặt hữu có *cửa Quan-Đức* 觀德門.

Trước cửa chính lại làm cửa linh-tinh ; trên ngách cửa, phía trong đề « *Trác việt thiên cổ* » 卓越千古, phía ngoài đề « *Đạo tại lưỡng gian* » 道在兩間.

Trước nữa có dựng 4 biểu-trụ và hai cái bia « Khuynh cái hạ mã ».

Lúc mới làm Văn-Miếu, vuaGia-Long định cứ mỗi năm vào ngày *thượng-đinh* 上丁 hai tháng trong mùa xuân và mùa thu, vua thân hành đến tế. Đến năm Gia-Long thứ 8 (1809) lại chuẩn cứ 3 năm một lần, vào những năm *sửu* 丑, *thìn* 辰, *mùi* 未, *tuất* 戌, vua thân hành đến tế ; còn các năm khác thời phái một vị đại-thần bên văn tế thay.

Năm Minh-Mạng thứ 16 (1835) vua định lại kỳ tế mùa xuân vào ngày *đinh* 丁 sau khi tế Giao, kỳ tế mùa thu vào ngày *trung đinh* 中丁 tháng tám.

oOo

6.— VŨ-MIẾU 武廟

Vũ-miếu cũng ở bên bờ sông Hương, thuộc địa phận *làng An-Ninh* 安亭社. Miếu làm năm Minh-Mạng thứ 16 (1835) chính doanh 3 gian 2 chái, tiền doanh 5 gian, hai nhà tả-vu và hữu-vu đều 5 gian.

Án chính giữa thờ bài-vị *Khương Thái-công* 姜太公 (tức là *Khương-Tử-Nha* 姜子牙, ban đầu giúp vua *Văn-Vương* 文王, sau giúp vua *Vũ-Vương* 武王 nhà *Chu* 周, diệt vua *Trụ* 紂 nhà *Thương* 商, lấy được thiên hạ). Phía đông thờ sáu vị sau nầy : *Quản-Trọng* 管仲 nước Tề *Tôn-Vũ-Tử* 孫武子 nước Ngô, *Hàn-Tín* 韓信 đời Hán, *Lý-Tịnh* 李靖, *Lý-Thành* 李晟 đời Đường, *Từ-Đạt* 徐達 đời Minh. Phía tây thờ 5 vị sau nầy : *Điền-Nhương-Thư* 田穰苴 nước Tề, *Trương-Lương* 張良 đời Hán *Gia-Cát-Lượng* 諸葛亮 đời Hán, *Quách-Tử-Nghi* 郭子儀 đời Đường, *Nhạc-Phi* 岳飛 đời Tống.

Nhà tả-vu thờ 3 vị : *Trần-Quốc-Tuấn* 陳國俊 đời Trần, *Nguyễn-hữu-Tấn* 阮有進, *Tôn-Thất-Hội* 尊室會 triều Nguyễn.

Nhà hữu-vu thờ 3 vị : *Lê-Khôi* 黎魁 đời Lê, *Nguyễn-hữu-Dật* 阮有鎰, *Nguyễn-Văn-Trương* 阮文張 triều Nguyễn.

Trước sân miếu có dựng 3 cái *bia Vũ-Công* 武功碑. Chung quanh miếu xây tường gạch bao bọc, mặt trước có nhà *Tề-Sanh* 宰牲.

Mỗi năm cứ đến hai tháng trong mùa xuân và mùa thu, sau lễ tế Văn-Miếu một ngày, đến ngày *Tỵ* 巳, thời có một vị đại-thần bên vũ-ban phụng phái đến làm lễ cúng.

o0o

7.— NHÀ THỜ KHẢI-THÁNH 啟聖祠

Nhà thờ Khải-thánh ở phía tây Văn-Miếu, thuộc địa phận làng *Long-Hồ* 隆湖, làm năm Gia-Long thứ 7 (1808) tại nền cũ của Văn-Miếu.

Chính-đường, tiền-đường đều 5 gian. Khám chính giữa thờ bài-vị Khải-thánh (thân sinh đức Khổng-tử). Hai bên đông tây thờ 4 tiên hiền: *Nhan-tử* 顏子, *Tăng-tử* 曾子, *Tử-Tư* 子思, *Mạnh-tử* 孟子, cùng các tiên nho *Trình-Hướng* 程珦, *Châu-Tùng* 朱松, *Chu-Phụ-Thành* 周輔成, *Trương-Địch* 張迪.

Trước nhà chính có hai nhà tả-vu và hữu-vu đều 3 gian.

Chung quanh nhà thờ có tường gạch bao bọc; mặt trước dựng hai cái bia «Khuynh cái hạ mã».

Các lễ cúng tế ở nhà thờ Khải-Thánh đều cử hành đồng thời với Văn-Miếu.

oOo

8.— ĐÀN NAM-GIAO 南郊壇.

Nước Việt-Nam theo văn-hóa Trung-Hoa, lấy sự tế tự làm trọng Lễ tế trọng nhất là tế Trời; tế Nam-Giao tức là tế Trời vậy.

Kinh Thư có nói: «Trời muốn giúp đỡ dân mới đặt ra vua». Lại nói: «Trời thương dân, vua phải vâng theo trời». Cho nên lúc vua tế giao mà cáo Trời tức là đem cái nhiệm vụ của mình đối với dân và cái cảm tình của dân đối với Trời mà giãi bày trước Thượng-Đế, cùng xin Thượng-Đế giáng phúc cho dân.

Tế Giao bày ra từ đời thượng cổ bên Tàu. Còn ở nước ta thời năm *Đại-Định* 大定, thứ 15 (1.154) đời vua Anh-Tông nhà Lý mới đắp đàn viên-khâu và tế Trời. Lễ tế Giao nhà Lý cứ 3 năm một lễ lớn, 2 năm một lễ trung, mỗi năm một lễ nhỏ.

Nhà Trần thay nhà Lý, văn-trị, vũ-công đều rất thạnh, thế mà trong 180 năm không thấy nói đến việc tế Giao.

Họ Hồ cướp ngôi nhà Trần, *Hồ-Hán-Thương* 胡漢蒼, đắp đàn ở núi *Đốn-sơn* 頓山, tế Trời. Trong lúc làm lễ hiến tước (lễ dâng rượu), tay nâng ngang trán, rượu đổ xuống đất bèn bãi tế. Ông *Ngô Ngọ-Phong* 吳午峯 nói: «Hán-Thương là kẻ gian-hùng cướp nước, làm sao mà thờ Thượng-Đế được».

Vua Thái-Tổ nhà Lê dẹp xong giặc Minh, lên ngôi Thiên-tử, định lễ tế Giao vào đầu mùa xuân. Vua Thánh-Tông định lại lễ Giao mỗi năm mỗi tế, trọn đời nhà Lê 300 năm giữ theo lệ ấy mà làm.

Thế-Tổ Cao Hoàng-Đế tức vị năm Dậu (1802) bèn đắp đàn ở *làng An-Ninh* 安寧社 (phía tây Kinh-thành) tế Trời, Đất, cáo sự đặt niên-hiệu là Gia-Long. Năm thứ 2 (1803) khiến bộ Lễ thảo nghi-lễ Nam-Giao. Năm thứ 5 (1806) đắp Giao-đàn ở phía nam Kinh-thành, thuộc địa phận *làng An-Cựu* 安舊社, *huyện Hương-Thủy* 香水縣. Vua Minh-Mạng đặt ra lệ-chế đầy đủ.

Đàn Nam-Giao chia ra làm 3 tầng, tất cả cao 4m70, xây bằng gạch và đá.

Tầng cao nhất hình tròn (*viên-đàn* 圓壇), sơn xanh, đường kính 6 trượng 6 thước (38m40), cao 7 thước (2m80), có các án thờ sau nầy:

— *Án tả chính* 左正案, thờ *Hiệu-Thiên Thượng-Đế* 昊天上帝 (Trời).

— *Án hữu chính* 右正案 thờ *Hoàng-Địa-Kỳ* 皇地祇 (Đất).

— Án tả nhất thờ *Thái-Tổ Gia-Dụ Hoàng-Đế* 太祖嘉裕皇帝.

— Án hữu nhất thờ *Thế-Tổ Cao Hoàng-Đế* 世祖高皇帝.

— Án tả nhì thờ *Thánh-Tổ Nhân Hoàng-Đế* 聖祖仁皇帝.

— Án hữu nhì thờ *Hiến-Tổ Chương Hoàng-Đế* 憲祖章皇帝.

— Án tả tam thờ *Dực-Tông Anh Hoàng-Đế* 翼尊英皇帝.

— Án hữu tam thờ *Giản-Tông Nghị Hoàng-Đế* 簡尊毅皇帝.

— Án tả tứ thờ *Cảnh-Tông Thuần Hoàng-Đế* 景尊純皇帝.

— Án hữu tứ thờ *Hoằng-Tông Tuyên Hoàng-Đế.* 弘尊宣皇帝.

Tầng thứ nhì hình vuông (*phương-đàn* 方壇), sơn vàng, mỗi mặt 19 trượng (76m), cao 2 thước 6 tấc 5 phân (1m6o). Có 8 án thờ :

— Án tả nhất thờ *thần Đại-Minh* 大明之神 (mặt trời).

— Án hữu nhất thờ *thần Dạ-Minh* 夜明之神 (mặt trăng).

— Án tả nhì thờ các *thần Chu thiên tinh tú* 周天星宿之神 (các vì sao).

— Án hữu nhì thờ các *thần sơn, Hải, Giang, Trạch* 山海江澤之神 (núi, biển, sông, đầm), và các *thần núi Triệu-Tường* 肇祥山之神 (lăng đức Triệu-Tổ), *thần núi Khải-Vận* 啟運山之神 (lăng vua Thái-Tổ), *thần núi Hưng-Nghiệp* 興業山之神 (lăng vua Hưng-Tổ), *thần núi Thiên-Thụ* 天授山之神 (lăng vua Gia-Long), *thần núi Hiếu-Sơn* 孝山之神 (lăng vua Minh-Mạng), *thần núi Thuận-Đạo* 順道山之神 (lăng vua Thiệu-Trị), *thần núi Khiêm-sơn* 謙山之神 (lăng vua Tự-Đức).

— Án tả tam thờ *các thần-Vân, Vũ, Phong, Lôi* 雲雨風雷之神 (mây, mưa, gió, sấm).

— Án hữu tam thờ *các thần Khưu, Lăng, Phần, Diễn* 坵陵墳衍之神 (gò, lăng, mồ, mả, đồng bằng phì nhiêu).

— Án tả tứ thờ *các thần Thái-Tuế* 太歲之神, (năm) *Nguyệt-Tương* 月將之神 (tháng).

— Án hữu tứ thờ *các vị thần trong trời đất* 天下神祇之神.

Tầng thứ ba hình vuông, sơn đỏ, mỗi mặt 32 trượng 7 thước (130m80), cao 2 thước 1 tấc (0m84), mặt trước có xây hai hàng đá tảng để cắm tàn, mỗi hàng 6 tảng.

Góc đông-nam có một lò đốt củi, góc tây-bắc có *Ế-khảm* 瘞坎 (lò chôn một ít lông và huyết của con nghé dùng để tế).

Đàn Nam-Giao đắp giữa một đám đất hình vuông chu-vi

152 trượng 9 thước (611m60), giải đất bao quanh đàn trồng toàn thông.

Một lần tường đá bao bọc tất cả, cao 4 thước 1 tấc (1m64), mỗi mặt trổ 3 cửa.

Ngoài tường, phía đông bắc có *Thần-khố* 神庫. *Thần trù* 神廚; phía tây-nam có *Trai-cung* 齋宮 (chỗ vua trú tất và trai giới trước khi tế).

Năm Minh-Mạng thứ 20 (1839) nhân khi tế bị mưa nên mới chế ra màn xanh che trên phương-đàn. Đến năm Tự-Đức 14 (1861) lại làm giàn trên tầng thứ nhất mà tế.

Về nghi-tiết tế Giao, năm Gia-Long thứ 6, đặt lễ Bốc-Giao. Chừng khoảng tháng giêng, Khâm-Thiên-Giám chọn ba ngày tốt về tháng hai mà tâu lên, vua truyền bói lại để lựa ngày tốt hơn hết. Trước lễ tế Giao ba ngày cấm các nha-môn không được tra tù, và cấm không được làm thịt súc-vật.

Đầu triều Minh-Mạng đặt lễ Tế-Giao. Trước lễ tế Giao ba ngày, vua hội các quan tại điện Thái-Hòa mà tuyên thệ về sự tế Giao. Trước hai ngày, vua đến cáo Thái-Miếu ; trước một ngày, giá ngự đến trai cung.

Năm Minh-Mạng thứ 20 (1839) đổi lấy 3 ngày tốt trước ngày vọng tháng quý-xuân (tháng ba) để chọn ngày tế.

Năm Tự-Đức thứ nhất, vua lại đổi lấy tháng trọng-xuân (tháng hai). Vua lại có Chỉ cho các quan ở những tỉnh gần về hầu tế.

Năm Đồng-Khánh thứ 3 (1888), vua định lại cứ 3 năm một lần, vào các năm *Tý* 子, *Mão* 卯, *Ngọ* 午, *Dậu* 酉, lựa trong 3 ngày *Tân* 辛 tháng trọng-xuân để bói mà chọn ngày tế.

Sau đây chúng tôi xin tóm tắt những điều cần biết về đám rước và cuộc tế trong lễ Nam-Giao, trích trong tạp chi « Bulletin des Amis du Vieux Huế », số 2 năm 1915.

Ba ngày trước ngày chính lễ, bộ Lễ đưa Thị-vệ dâng lên

nhà vua một tượng Đồng-nhân (*người bằng đồng* 銅人) nhỏ, hai tay chắp vào ngực và cầm một cái bài khắc hai chữ «*Trai-giới*» 齋戒 bằng chữ nho.

Về tục nầy tương-truyền rằng khi xưa ở bên Tàu có một cái tượng người bằng đồng, trống rỗng, nổi lềnh-đềnh trên mặt biển. Nước biển chảy vào trong pho tượng ấy, rồi phun ra đằng miệng và mũi những tia nước xanh biếc và trong trẻo. Người ta lấy tượng ấy làm tiêu-biểu cho sự thanh-tịnh.

Buổi chiều, Bộ Lễ còn dâng lên vua mấy đạo chúc-văn, cáo-miếu để vua tự tay điền ngự-danh ; Bộ Lễ lại dâng hầu Chỉ, một đạo Sắc-dụ Trì-trai có đóng bửu-ấn rồi để đạo Sắc-dụ ấy lên Long-đình có lính mang nghi trượng tàn lọng nhã-nhạc đi theo, rước ra lầu Phu-Văn để yết.

Qua ngày hôm sau, bộ Lễ thâu đạo Sắc-dụ ấy về để nạp tại Cơ-Mật, rồi các Bộ sao yết tại quan-thự để các quan chấp-sự và bồi-tự phải trai-giới trước ba ngày.

Trước chính lễ một ngày, vào khoảng 7 giờ sáng, vua ngự đại-giá lên Trai-cung. Lễ rước vua từ Đại-nội đến Trai-cung rất trọng thể. Khi vua qua cửa giữa Đại-Cung môn, có 9 tiếng súng lệnh xen lẫn tiếng chuông trống tại Ngọ-môn. Ngự-giá qua bên tả điện Thái-Hòa rồi theo đường dũng-đạo qua cầu Trung-đạo rồi ra cửa Ngọ-môn. Khi ra khỏi cửa, chuông trống trên Ngọ-môn không đánh nữa và giọc đường lên Nam-Giao âm-nhạc không cử một hồi nào, chỉ có tiếng trống và tiếng chuông.

Đám rước tự Đại-nội lên Trai-cung chia ra làm ba đạo : tiền đạo, trung-đạo và hậu-đạo.

Tiền đạo có :

Các quan võ, các lính mặc áo dấu, mang chiêng, trống, tàn lọng, cờ ngũ-hành (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ), cờ nhị thập bát tú, người thổi loa (*truyền đồng thanh* 傳銅聲), đội *ngũ-lôi cổ, đồng-bạt* 五雷鼓銅鈸, voi ngựa đóng bành, đeo mạng và nhạc,

một chiếc kiệu long-liễn, một chiếc án « *Phúc-Tửu* » 福 酒, có hai lọng che (án ấy sẽ bày tại Viên-đàn ở trên để một bình rượu và một miếng thịt phần của vua, sau khi tế trước hai bàn thờ Trời và Đất).

Trung-đạo có :

Chiêng trống, tàn lọng cờ xí... ngoài ra có ba long-đình; một cái trên để quí vật, ngọc, lụa v.v .. để tế. một cái để áo cổn, mũ miện, hia, để vua mang khi tế, mỗi long-đình có hai lọng che, một ngự-liễn (xe nầy chỉ đi hành-ngơi) có quan Phù-Liễn,. Thái-giám theo, một long-đình trong để ngự-dụng. Rồi đến ngự-liễn (kiệu) trên có vua ngồi, hai bên che bốn lọng vàng, theo hầu có các vị hoàng-thân, các quan đại-thần...

Hậu đạo cũng có chiêng trống, cờ xí, một long-dình trên để ông Đồng-nhân và hai lọng che, theo sau quan văn từ ngũ-phẩm, quan võ từ tứ-phẩm trở xuống.

Cách sắp đặt trong ba đạo nầy không nhất định, có thể tùy tiện châm chước. Còn về số người trong ba đạo thời về sau nầy chừng 1.000 người. Dưới triều Khải-Định, chừng 2.000 người, dưới các triều xưa số ấy lên đến 5.000 người.

Sau khi vua đã tới Trai-cung và độ vào khoảng 12 giờ trưa, bộ Lễ hội đồng với quan Thái-thường cung đệ đạo chúc-văn tế Giao, để vua tự tay điền ngự-danh, rồi các quan đệ lên đàn Nam-Giao để tôn trí.

Đến hôm chính lễ, gần giờ Tỵ, vua mặc áo cổn, đội mũ miện, tay cầm ngọc trân-khúc, dùng kiệu đi từ Trai-cung qua cửa Tây (lúc bấy giờ có chuông ở Trai-cung đánh, đến khi nhà vua vào đến đàn Nam-Giao thời thôi), quành sang hướng nam rồi lên tầng thứ nhất đàn Nam-Giao. Lối đi lên tầng thứ nhất chia ra làm ba phần : chính giữa và bên tả, bên hữu, cũng như mọi lối đi khác, nhưng chính giữa không phải để vua lên, và hai bên không phải để các quan văn, võ dùng : chính giữa là « *Thần Ngự-lộ* 神 御 路, vua nhường các vị thần và các Tiên-Đế thờ tại viên-đàn

đi ở chỗ chính giữa ấy, vua ngự đi một bên.

Vua vào nhà *Đại-Thứ* 大 次 có làm lễ quán tẩy là lễ rửa tay.

Xong rồi vua lên tầng thứ nhì làm lễ. Ngài làm lễ ba lần tại lầu thứ nhì (3 chỗ nầy dưới chân có trải chiếu cạp vàng). Trong khi ấy có đốt một con nghé và chôn yểm một ít lông và huyết con nghé ấy.

Khi nội-tán xướng: « Tâu đăng đàn....», vua nghiêm chỉnh bước lên tầng thứ ba. Khi ấy các quan văn võ cũng bước theo lên do hai bệ bên tả và bên hữu.

Vua làm lễ tại viên-đàn thường dựng trước Nội hương-án (hướng án nầy bày trước hai hương án thờ Hiệu-Thiên Thượng-Đế và Hoàng-Địa-Kỳ). Trước khi tế, các quan thị lập theo thứ tự, cung kính cất khăn lụa phủ trên các Thần-bài (khi xưa những thần-bài gần tế mới viết). Khi làm lễ *Nghinh-thần* 迎 神 thời có tâu bài « *An-thành Chi-chương* » 安 成 之 章.

Tế Nam-Giao bắt đầu từ giờ Tý, mãi đến tang tảng sáng mới xong, có các lễ tiến trầm, lễ tiến ngọc và lụa (tâu bài « *Triệu-thành chi chương* » 肇 成 之 章), lễ tiến thực-phẩm (tấu bài « *Tiến-thành chi chương* » 薦 成 之 章), lễ tiến rượu lần thứ nhứt (tâu bài « *Mỹ-thành chi chương* 美 成 之 章), lễ *tuyên chúc* 宣 祝 (đọc tờ chúc), lễ Phân hiến 分 獻 (chia phẩm-vật), lễ tiến rượu lần thứ hai (tâu bài « *Thụy-thành chi chương* » 瑞 成 之 章), lễ tiến rượu lần thứ ba (tâu bài « *Vĩnh-thành chi chương* » 永 成 之 章), lễ nhận rượu thịt, lễ triệt và đốt phẩm-vật, sớ và bài-vị (tâu các bài « *Doãn-thành chi chương* » 允 成 之 章, « *Hi-thành chi chương* » 禧 成 之 章, *Hựu-thành chi chương* 祐 成 之 章) ; khi ấy là hết lễ, vua ngự về Trai-cung.

Mấy lễ tiến trầm, tiến rượu v.v... đại khải giống nhau cả. Lễ tiến trầm thời một vị chấp sự mang một hộp trầm, một vị chấp-sự mang một lư-hương, cả hai đi đến gần vua rồi quỳ xuống chiếu, vua cũng quỳ lấy một gói trầm

hai tay cung kính đưa lên ngang trán, rồi bỏ vào lư-hương. Vị chấp-sự mang lư-hương ấy để lên hương-án rồi lui xuống để nhà vua làm lễ.

Lễ tiến rượu thì ở mười án tại Viên-đàn chia làm năm lần dâng rượu : hai án Thiên, Địa làm một, tả nhất, hữu nhất làm một, tả nhị, hữu-nhị làm một v.v.,.

Dưới tầng thứ nhì, tại 8 án thờ, các quan ai có phận sự nấy đều cùng hành lễ.

Trong khi hành lễ tiến tửu thời có vị đọc chúc đọc bài văn tế; bài văn này để trên một cái giá sơn son thếp vàng (*chúc-kỷ* 祝几) có lụa phủ, khi đọc xong lại phủ khăn lại rồi hóa đi.

Các thực-phẩm tế xong đều chia ra các quan, theo thứ tự phẩm tước.

Vua cũng có phần của mình là một ít rượu và khi xưa thì có cả một miếng thịt nữa. Rượu này gọi là phúc-tửu 福酒, khi cúng xong sẽ mang về Đại-nội để vua dùng khi ngự thiện.

Trên viên-đàn có dựng một cái nhà nhỏ, gọi là *Tiểu-thứ* 小次 để vua ngồi nghỉ vì tế lâu hàng mấy giờ đồng hồ.

Chỗ vua đứng đợi xuống để làm lễ gọi là *Ngự-lập vị* 御立位. Khi tế có những vị xướng tế, nhiều chức khác nhau : *Nội-tán* 内贊 (xướng hầu vua), *Chính-tán* 正贊 *Trợ-tán* 助贊, *Thông-tán* 通贊, *Truyền-tán* 傳贊, và *Phân Hiến-tán* 分獻贊. Lại có những vũ-can hàng trăm người múa và hát những khúc bằng chữ nho cũng là lời khấn.

Khi tế xong, vua ngự về Trai - cung, lúc Ngài ra khỏi cửa Tây của Giao - đàn, thời có tấu bài « *Khánh - thành chi chương* » 慶成之章. Các vị hoàng-thân, các quan thượng-thư và ấn-quan làm lễ Khánh-hạ rồi vua về Đại - nội. Lúc về nghi - trượng cũng như khi rước đi, song có cử nhạc. Khi

ngự giá đến cửa Đại-cung thì có 9 tiếng súng mừng. Vua ngự đến điện Cần-chánh để cho các quan Lưu-kinh (các quan trông nom kinh-thành khi vua mắc việc tế Nam-Giao) phục mệnh.

Lễ tế Nam-Giao sau cùng đã cử hành vào lúc nửa đêm rạng ngày 10 tháng 2 năm Bảo-Đại thứ 20 (23 tháng 3 năm 1945). Nhưng vì đang thời kỳ chiến tranh nghiêm trọng nên vua ngự lên Trai-cung bằng xe điện lúc 5 giờ chiều ngày 9 tháng 2, cùng Cơ-Mật, Tôn-Nhơn, Nghi-Lễ liệt Đại-thần, còn quan quân đi theo chầu thời giảm. Khoản phát lịnh cũng giảm.

Hiện nay, vì ảnh hưởng chiến tranh, nên đàn Nam-Giao và những nhà cửa ở đấy đều bị đổ nát cả.

oOo

9.— HỔ-KHUYÊN 虎圈

Hổ-khuyên là nơi voi cọp đánh nhau cho người xem. Làm dưới triều Minh-Mạng gần chỗ Thành-Lồi. Đó là một kiến trúc hình tròn bằng vôi gạch, làm lộ thiên, kiểu như sân vận-động bây giờ, nhưng chu-vi chỉ 158 thước tây, đường kính 50 thước tây và cao hơn 6 thước tây, gồm có 2 tầng. Tầng trên làm khán đài, rộng 2, thước chung quanh có xây tay vịn, chỗ vua ngồi có bậc cao, khi nào vua ngự, bốn bề có rủ mành mành. Tầng dưới phía trước có một cửa chính, phía sau có 5 cửa, ba cửa giữa thông với 3 chuồng cọp, hai cửa bên thông với hai chuồng voi, bên ngoài có hai bậc thang để bước lên khán đài.

Những trận đánh kịch liệt giữa voi và cọp tổ chức dưới triều Nguyễn cho đến năm Thành-Thái thứ 16 (1904) là lần cuối cùng.

oOo

10.— CHÙA BÁO QUỐC 報國寺.

Chùa Báo-Quốc ở tại *ấp Trường-Giang* 長江邑. huyện *Hương-thủy* 香水, gần nhà ga Huế, xưa gọi là *chùa Hàm-long* 含龍寺, tương truyền do *Hòa-thượng Giác-Phong* 覺峰和尚, lập ra năm nào không rõ, chỉ biết rằng ông ấy tịch năm 1714.

Năm 1747 chúa Nguyễn-Phúc-Khoát ban cho một tấm biển thếp vàng giữa khắc 5 chữ « *Sắc tứ Báo-Quốc tự* » 敕賜報國寺 bên tả khắc 8 chữ « *Quốc-Vương Từ Tế Đạo-Nhân ngự đề* » 國王慈濟道人御題. Thầy tăng Hữu-Phi coi chùa nầy cho đến năm 1752. Sau chùa bị quân Tây-Sơn phá hủy, đem chùa làm kho chứa diêm-tiêu.

Đến năm Gia-Long thứ 7 (1808), bà Hiếu-Khương Hoàng-Hậu (mẹ vua Gia Long) mới quyên tiền cho trùng tu lại rộng lớn hơn, rồi cải tên là *chùa Thiên-Thọ* 天壽寺; lúc nầy chùa do thầy tăng *Đạo-Ninh Phổ-Trinh* cai quản.

Năm 1824, vua Minh-Mạng cải tên là chùa Báo-Quốc như cũ; năm 1830 nhân lễ tứ tuần, vua làm lễ lớn tại đây.

Về sau hư nát, vua Tự-Đức ban tiền để trùng tu lại vào năm 1858.

Chùa nầy lần lượt do các vị Hòa-thượng Diệu-Giác (tịch năm 1895), Tâm-Quang, Tâm-Truyền tức Tuệ-Vân và Tâm-Khoan cai quản.

Cửa tam-quan phía trước xây năm 1808, sửa chữa lại năm 1873. Bên tả có mộ địa các vị tăng sư, có 19 ngôi tháp mộ theo kiểu Ấn-Độ. Có 3 ngôi mộ đáng để ý nhất là ngôi mộ của Hòa-thượng Giác-Phong tịch năm 1714, Viên-Giác tịch năm 1753, Hàn-Chất tịch năm 1766.

Trong chùa có nhiều liễn đối và biển từ đời chúa Nguyễn-Phúc-Khoát, một quả chuông đúc năm 1808, một gốc cây hình thân người, bàn thờ Hiếu-Khương Hoàng-Hậu. Các cửa đều chạm

trổ rất đẹp. Hai bên nhà chính có tăng-phòng ; phía sau có sân. Bên hữu sân là nhà khách, bên tả là nhà giảng, cuối sân có một cái am.

Phía bắc chùa có một cái giếng, xưa gọi là giếng Hàm-Rồng (*Hàm-Long tỉnh* 含龍井), sâu độ 4,5 thước, dưới đáy giếng có đá như hình đầu con rồng, nước theo lỗ đá phun ra, rất trong và ngọt, nên có câu hát rằng :

« Nước giếng Hàm.Rồng đã trong lại ngọt,
Em thương anh rày có Bụt chứng tri ».

Nguyên lúc trước có nước đem thượng-tiến, gọi là giếng-cấm, nay vẫn còn.

oOo

11. ĐỀN THỜ THẦN NÚI NGỌC-TRẢN 玉盞山神祠.

Tục gọi đền thờ nầy là điện Hòn Chén. Đền ở địa phận *làng Hải-Cát* 海葛社, trên eo núi Ngọc-Trản, cũng có tên là *đền Hàm-Long* 含龍祠, thờ vị thần «*Thiên-Y A-Na diễn phi chủ ngọc*» 天依阿那演妃主玉之神 (người Chàm gọi là Poh Ino Nagar) và vị *thần Thủy-Long* 水龍之神.

Năm Minh-Mạng thứ 13 (1832) vua cho làm lại đền thờ rộng thêm, rất là linh ứng. Trước đền có cái vực sâu không thể đo được, tục truyền dưới vực ấy có loài thủy-tộc làm hang ở, có một con trạnh (loài ba-ba) hình lớn bằng chiếc chiếu, mỗi lần nổi lên mặt nước thì ba đào nổi dậy, người ta thường thấy và cho là sứ-giả của thần *Hà-Bá* 河伯.

Vua Đồng-Khánh khi chưa lên ngôi thường hay lên chơi núi nầy, có cầu đảo sự gì thì linh ứng, nên khi làm vua ngài có phê rằng: « Điện Hòn-Chén là một đền linh diệu thiên cổ, thế núi trông thật giống hình con sư-tử uống nước dưới sông, quả là chân cảnh thần tiên, cứu người giúp đời nhiều lắm ».

Năm 1886, vua cải tên là *điện Huệ-Nam* 惠南殿, chuẩn bộ Công khắc biển đề thơ. Qua tháng 6 tháng 7 năm ấy trời không mưa, vua sai các quan ở phủ Thừa-Thiên đi cầu đảo các đền đều không được mưa, khi đảo đền nầy thì chỉ trong một buổi mai đã được mưa, thiệt là linh ứng.

Trong đền gian giữa thờ 3 vị :

— *Hoằng-Huệ Phổ-Tế Linh-Cảm Diệu-Thông Mặc-Tướng Trang-Huy Ngọc-Trản Thiên-y A-Na Diễn-Ngọc-Phi Thượng-Đẳng Thần* 弘惠普濟靈感妙通默相莊徽玉盞天依阿那演玉妃上等神.

— *Trứ-Linh Chương Ứng Mục-Uyên Hoằng-Bác Uông-Nhuận Thủy-Long Thánh-Phi Trung-Đẳng-Thần* 著靈彰應穆淵弘博汪潤水龍聖妃中神等.

— *Diệu-Phu Quảng-Độ Linh-Chương Ý-Nhã Anh-Bình Sơn-Trung Tiên-phi Trung Đẳng Thần* 妙孚廣度靈彰懿雅英平山中僊妃中等神.

— Gian bên tả thờ *Quan-Thánh Đế-Quân* 關聖帝君 (Quan-công).

Gian bên hữu thờ 6 vị Tướng-Quân :

— *Tiên-Cung Thông-Minh Thượng-Tướng-Quân* 僊宮通明上將軍.

— *Tôn-Thần Tiên-Cung Linh-Minh Đại-Tướng-Quân* 尊神僊宮靈明大將軍.

— *Tôn-Thần Thủy-Tinh Lực-Dũng Tướng-Quân* 尊神水晶力勇將軍.

— *Tôn-Thần Thủy-Tinh Uy-Dũng Tướng-Quân* 尊神水精威勇將軍.

— *Tôn-Thần Sơn-Tinh Quả-Dũng Tướng-Quân* 尊神山精果勇將軍.

— *Tôn-Thần Sơn-Tinh Vũ-Dũng Tướng-Quân* 尊神山精武勇將軍. Trong tờ sắc các Tôn-Thần đều có ghi 4 chữ « *Dực bảo trung hưng* » 翊保中興.

oOo

12.— TÒA THƯƠNG-BẠC 商舶座.

Nguyên lúc trước ở phía trong cửa Đông-Bắc (tức cửa Kẻ-Trài) trước mặt phủ-đường Thừa-Thiên cũ, có một tòa nhà dựng làm nơi tiếp đón đại-diện các nước, và gọi là nhà Công-Quán hay Cung-Quán. Nhà làm vào khoảng đầu triều Minh-Mạng, có 3 gian cùng những nhà phụ thuộc.

Năm 1875, vì không muốn tiếp các sứ-giả ngoại quốc trong Kinh-Thành, nên vua Tự-Đức cho dời làm lại vào chỗ hiện giờ, vào khoảng giữa cầu Trường-Tiền và trường tiểu học Thượng-Tứ, và đặt tên là tòa Thương-Bạc. Thời ấy, chỗ nầy là nơi giao-thiệp giữa các đại-diện của nước Pháp và triều-đình Việt-Nam.

Sau lúc Kinh-đô thất thủ (1885) tòa Thương-Bạc dùng làm phủ của Phụ-Chánh Nguyễn-Văn-Tường, bản-doanh của đạo quân Pháp chiếm đóng, phủ của ông Hoàng-Cao-Khải, phủ của ông Hoàng Bửu-Liêm, trường Hậu-Bổ, trường Uyên-Bác, rồi đến Cổ-Học viện.

Hiện nay vì ảnh hưởng chiến-tranh, tòa Thương-Bạc đã đổ nát hết.

